

đều cố gắng sống tốt để xứng đáng với sự quý mến của những người trân trọng ơn gọi và kính trọng đời linh mục.

\* Trong những bà mẹ ấy, có những người không được ở bên con, không được nhìn thấy con trong hình bóng Chúa Giêsu trên bàn thờ qua thánh lễ hằng ngày vì nhu cầu mục vụ; sự xa cách ấy cũng day dứt lòng người một cách tự nhiên thôi.

\* Hoa quả lòng bà mang hình bóng Chúa Giêsu, nhưng nếu con bà đã hân hoan bước lên bàn thánh mà có điều gì bất xứng hoặc đổi hướng đi con đường khác hay không phục tùng Giáo Hội thì bà đau khổ biết bao, dù không ai kết án bà, không ai bắt bà phải chịu đựng như thế.

\* Cho dầu có lia đời, thì tình yêu của bà vẫn theo dõi từng bước chân của con mình, người con mà bà biết rằng Thiên Chúa đã tuyển chọn; mà sự hy sinh của bà bây giờ chỉ còn là lời cầu nguyện.

Có biết bao thành quả tốt đẹp trong Giáo Hội được hình thành từ khối óc, con tim, bàn tay của linh mục (mà công trình tuyệt vời nhất là làm cho sự sống của Đức Giêsu Kitô được tiếp diễn hằng ngày trên bàn thánh). Tôi muốn rào bước đi thăm tất cả các bà Cố có con là linh mục để nhìn thấy sự kiên cường mang nhiều dáng vẻ khác nhau, mà sự kiên cường anh dũng ấy như một chiếc bóng âm thầm, đi theo con thuyền Hội Thánh mãi mãi không thôi.

Maria Vũ Loan



## SAO KHÔNG VỀ

Sao không về ngồi bên dòng kênh nhỏ  
Để nghe sóng vỗ sóng những con đò  
Nghe kí ức chày dài trong thương nhớ  
Cho tình quê nồng thấm nước sông trôi.

Sao không về ru lại tuổi trên nôi  
Nghe mẹ hát khúc ầu ơ sớm tối  
Con cò trắng bay qua nôi rất vội  
Để câu hò nghe tha thiết chơi vơi.

Sao không về tìm lại những mùa thi  
Cây phượng vĩ đứng nghiêng mình ngóng đợi  
Con chim nhỏ có bay về đúng tổ  
Dáng thầy buồn, ôi thương quá thu ơi!

Sao không thể cùng về với miền quê  
Cái Sắn đỏ – Kinh thần nông nho nhỏ  
Cây có cội, chim ngàn năm có tổ  
Huông chi người, ai chiếc bóng... trơ vơ ?.

Ngọc Phan

## KHI TÔI VỀ

Khi tôi về tóc đã điểm trắng  
Xuống đầu Kênh thoáng chút mùi lòng  
Nhìn bên sông bụi ngùi thương nhớ  
Xóm làng đó ngàn người ly hương

Ngày tôi về có ai đến hỏi  
Trở về quê lòng có bồi hồi  
Lũy tre xanh bà con lối xóm  
Bao tháng ngày nghiệt ngã chơi vơi

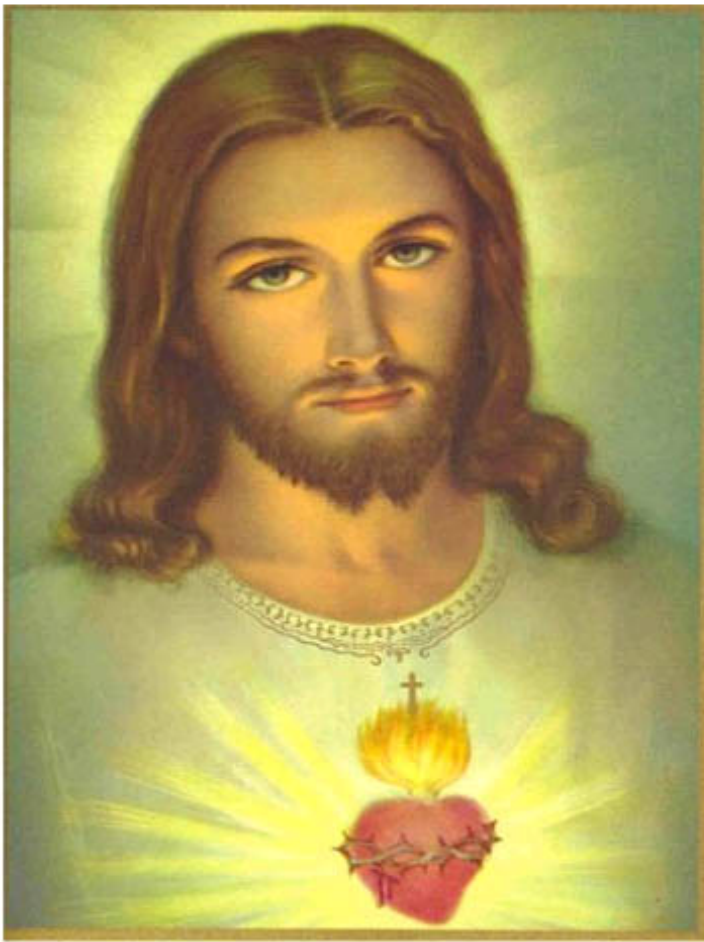
Ngày tôi về sẽ tìm bè bạn  
Có còn nữa bóng dáng giai nhân  
Hay đã thành ông bà nội, ngoại  
Ngồi ru cháu giọng hát thật buồn

Khi tôi về mong đừng bắt bớ  
Đừng khó dễ thủ tục giấy tờ  
Mà cùng ngồi bàn tính sách lược  
Cho nước nhà sớm được tự do.

Đoan Đình

# NUOC CHA TRI DEN

Br. Chuan Dinh, LC



On the contrary, we sometimes blame our parents unjustly for having made the decision to baptize us. “Now, I have to go to Mass.” This might be one of the attitudes we have gone through. Other attitudes can be shown through our interior and exterior indifferences. We go to Mass “for Christine and not for Christ.” It is a “cultural” thing; I can meet new people, a future girlfriend or boyfriend. I can choose not to meet Christ there in Church, which is His house; He lives there as He lives in Heaven with God the Father, Mary and the saints.

In this short letter, I would like to share with you the richness of the Sacrament of Baptism so that we can appreciate how awesome this treasure of our faith is. We can also see that our parents have given us the best “gift” they know how in addition to our existence.

We all know about Baptism, and it is good to refresh it once in a while. I would like to recommend the *Catechism of the Catholic Church* as a sure teacher of our faith. This is the book we must have and consult on all aspects of our Christian life, to show Christ that we are not indifference to our faith. Let’s review the fruit of Baptism from the *Catechism* in number 1279. *Baptism, or baptismal grace, is a rich reality that includes forgiveness of original sin and all personal sins, birth into the new life by which man becomes an adoptive son of the Father, a member of Christ and a temple of the Holy Spirit. By this very fact the person baptized is incorporated into the Church, the Body of Christ, and made a*

New York, 23 April 2007  
Youth of Thuc Hoa Mien Dong  
Hoa Ky, Philadelphia, PA

**Dear Cac Ban in Christ,**

**Le Lang Thuc Hoa Mien Dong Hoa Ky falls in May**, the month of the Blessed Virgin Mary. She is special, because she is the Mother of God and our Mother as well. May She obtain for you special graces in Le Lang of 2007 and especially the grace to understand the richness of our Baptism.

What is *Baptism* anyway? Is this an importance sacrament? Why did our parents decide to baptize us when we were only few days or weeks old? Shouldn’t they have waited until we had grown up to decide for ourselves? These are important questions we have heard when people around us talked about religious topics. As all good parents do they desire the best for their children. They decided to give us the Sacrament of Baptism when we were young because they considered it as the precious gift, pearl or diamond that they wanted us to have.

*sharer in the priesthood of Christ.* As you can see its meaning is deep, clear, and understandable.

Baptism is awesome! We are new men in Christ; the old men in sins have died through the cross of Christ. He became man to give us examples to follow, to show us the way to where our true home is, and to teach the truth that frees us from errors and ignorance. How can we correspond to this gift or calling from Christ? Christ has a mission for each one of us and it is exciting. We are called to *know*, to *love* (experiencing the faith as a treasure, something precious) and to *share* this treasure to others, since goodness spreads. We are called to be “common” prophets, priests and kings, that is, in the state of life that we are in as baptized Christians.

As common prophets, we are called to transmit the Good News or messages of God to his people. The best way to transmit the message of Christ to others is through our examples, living faithfully the Christian virtues of charity, talking well of others, giving our times, of sincerity and fidelity to our commitments. It is the law of love, in giving that we receive. People are hunger and thirst for the Gospels more than ever today. We all are called to be witnesses to Christ and his Church, not only consecrated men and women.

As common priests, we are called to serve God and His people. We are called to continue the mission of Christ on earth, to

glorify God the Father and to save souls, that is, to help our neighbors find truths and the path to heaven. The examples of our parish priests should be models for us on how to serve actively our parish and community. We should appreciate this service from our Priests and those who serve our parish in so many hidden ways that only God knows and rewards them many fold.

As common kings, we are called to fight, to defend, and to build Christ’s Church. These are challenging tasks for kings who understand their missions. The authority figure of King is from Jesus. “*I have come to serve and*



*not to be served.”* The needs of the Church around us are many. We have to be men and women of vision, of high ideal, of character, of hard work, of leading the way. Above all we need to be learned individuals for the tasks God has in store, that is, “to have in order to give.”

In conclusion, we all need to reflect frequently in our daily prayers on the fruit of Baptism we have received freely. The Pascal Mysteries of Christ, the mission, the suffering and death and resurrection of our Lord, have won so many benefits and graces for us to be authentic and holy witnesses to Christ and His Church in the state of life that we are in as students, workers, husbands, wives, doctors, nurses, entrepreneurs, nuns, seminarians, priests. We are the common prophets, priests, and kings through Baptism in, with, and for Christ. The words of our beloved Pope John Paul II still echo, “*God loves you and He needs you to be his mouth, tongue, eyes, hands and feet to speak, to see, to touch and to meet many youth who are waning and dying for the lack of Christ.”*

Let’s pray for one another to receive the grace to know and to love the “treasure” of our Baptism so that we can *build* and *defend* our Mother the Church. May the Blessed Virgin Mary grant you many graces in this month of May and in this new year, until the next Le Lang Thuc Hoa.

Yours in Christ and Mary,

**Thay Chuan Dinh, LC**



## My Grandparents

There are many memories I have of Ông Bà. Their relationship is very dynamic and unassuming. The most cherished memories I have of Ông Bà was when they were alone, fulfilling their role of husband and wife. Despite Ông's

daily remarks: "Bà nay! Bà không biết gì hết", their lack of public display of affection and their separate sleeping arrangements, I knew in my heart they were still deeply in love, even after many years of marriage. From the day I moved into

Ông Bà's house until the day I left for dental school, I witness first hand how much Ông Bà really adored each other. Every morning at 6 am, when I walked downstairs to get ready for school, I saw Ông giving Bà her daily one hour message. She would be lying on the bed, located in the living room (aka Ông's bedroom), while Ông would be intensely and meticulously messaging her from head to toe. He would often say "I give her this massage not because I like or enjoy it, but because it will help her live longer. It's a lot of work you know. Without me taking care of her like this I don't think she would have lived this long!" I knew better, what Ông lacked in verbal terms of endearment was well made up for by his actions. Bà, on the other hand, showed her devotion to Ông in her own way. There were many times when I was startled to see Bà sitting calmly at the

dinning room table, in the dark with her trademark head wrap and emotionless face. I would ask her what she was doing up so late, she would tell me "I'm waiting for Ông." And that was what she always did, wait for him. I was so amazed at Bà's patience. She never questioned where he went



or what time he would be home, she simply just waited quietly. Ông Bà were a great complement of each other, what one lacked from within was made up for by many folds in the other. Giving in to each other's needs is what Ông Bà has taught me about relationship, love and marriage. For all the grandchildren and great-grandchildren that didn't have the opportunity to live with Ông Bà, I hope my stories of them gave you a glimpse into the unconditional love they had for one another. For all the son-in-laws in our family, a true lesson is to be learned here: if you want to stop your wife's nagging nature perhaps giving her a daily one hour full body message may do the trick. ☺

Mau, DDS



## Ông Bà Ngoại

Tôi có rất nhiều kỷ niệm về ông bà. Tôi thấy tương quan giữa hai ông bà rất thực và sinh động. Những kỷ niệm về hai ông bà mà tôi quý hóa nhất là cuộc đời của hai người trong những ngày sống riêng với nhau vào tuổi già. Có lẽ phải đợi đến lúc đó hai ông bà mới có cơ hội sống tương quan vợ chồng một cách thiết thực.

Mặc dầu ông vẫn thường bảo: "Bà nay! bà không biết gì hết," hai ông bà già lại chẳng bao giờ tỏ dấu yêu đương theo kiểu chúng ta bây giờ, nhất là ông ngủ một nơi và bà ngủ một phòng ... thế nhưng tự đáy tâm hồn, tôi vẫn BIẾT là ông bà thương nhau nhiều lắm, cho dù đã sống đời hôn nhân bằng ấy năm. Tôi được may mắn ở chung với ông bà trong nhiều năm tháng, cho đến ngày tôi vào trường Nha Sĩ. Trong những ngày tháng ấy, tôi đã được chứng kiến tận mắt hai ông bà thực sự thương nhau đến cỡ nào. Mỗi ngày vào lúc 6 giờ sáng, khi tôi từ trên phòng bước xuống lầu dưới để chuẩn bị đến trường, tôi thấy tận mắt: ngày nào cũng vậy ông nắn bóp cho bà ... ít là một tiếng đồng hồ. Bà nằm trên chiếc giường đặt trong phòng khách (đó cũng là phòng ngủ của ông); và ông cẩn thận và chăm chút nắn bóp cho bà từ đầu đến chân. Sở con cháu cho là đã già mà còn ... bày chuyện, nên ông thường giải thích: "Thì tao cũng đâu thích thú gì khi nắn bóp cho bà ... nhưng ... nhờ vậy thì bà mới có thể sống lâu được. Cũng nặng nhọc đấy, nhưng mày nghĩ coi, nếu tao không làm vậy thì làm sao bà có thể sống lâu với tao như thế này." Tôi học được điều này: chính hành động cụ thể kia đã nói thay cho mọi lời triu mến trên môi miệng. Về phần bà,

bà cũng biểu lộ sự mến thương đối với ông theo cách riêng của bà. Biết bao nhiêu lần tôi đã giật mình khi nhìn thấy bà ngồi một mình trong bóng tối của phòng ăn. Bà ngồi trong bóng tối, đầu đội khăn phủ gần kín và vẻ mặt hầu như không biểu lộ một cảm xúc nào. Có lần tôi đã làm bạo hỏi: sao bà lại ngồi đây muộn vậy? Bà bảo: "Tao đợi ông mày." Đúng, bà đang đợi ông. Tôi thật khâm phục tính kiên nhẫn của bà. Bà chẳng bao giờ hỏi là ông đi đâu hoặc bao giờ ông về, bà ... chỉ yên lặng ngồi đợi. Có lẽ trời cũng cho hai ông bà bù đắp cho nhau: cái gì thiếu nơi người này thì được người kia bù đắp cho gấp bội. Bù đắp cho những gì người kia thiếu thốn ... đó là bài học quý giá tôi đã học được nơi ông bà trong cách sống, trong yêu thương và cả trong đời hôn nhân. Tôi tạ ơn Chúa vì có cơ hội chung sống với ông bà để học được những bài học quý hóa đó. Tôi hy vọng rằng những chia sẻ rất đơn sơ nhưng chân thật của tôi giúp cho các cháu và các chất của ông bà thấy được phần nào thế nào là yêu thương không điều kiện, không đòi hỏi mà hai ông bà đã dành cho nhau. Riêng các con rể, cháu rể, và ... "phe rể" trong gia đình, chớ gì "phe rể" của gia đình ta học được bài học thực tế và quý hóa này: nếu muốn vợ mình bỏ cái tật hay cần nhằn cau có, "phe rể" ta nên học làm massage sao cho cẩn thận chăm chút và hàng ngày làm massage cho vợ ít nhất là ... một giờ trọn. Làm được thế thì chắc chắn ... phe ta sẽ có được một cuộc đời hôn nhân hạnh phúc.

☺ Khánh Mậu, DDS



**Cười !**

## Chuyện Vô Lý!

Một ông lão đến bác sĩ:

- Thưa bác sĩ, tôi nay đã 90 tuổi nhưng bà vợ mới cưới của tôi chỉ 28 tuổi. Tôi muốn có một đứa con với cô ấy để để giữ cô ấy hơn.

Bác sĩ có cách nào giúp tôi không?

Vị bác sĩ trầm ngâm một lúc rồi đáp:

- Cũng chẳng khó khăn gì nhưng trước tiên tôi muốn kể cho cụ nghe một câu chuyện: "Có một anh chàng thợ săn rất đáng trí. Một lần đi săn, thay vì mang súng theo, anh ta lại mang cây dù. Vào rừng, anh bị một con cọp nhảy ra tấn công. Theo phản ứng tự nhiên, anh đưa cây dù lên thì một tiếng đùng dữ dội nổi lên, con cọp ngã ra chết tốt."

Ông cụ phản đối:

- Chuyện vô lý! Vô lý trăm phần trăm! Chắc có ai đó bán hạ con cọp giùm chứ gì.

Bác sĩ tùm tùm cười:

- Cụ quả thật thông minh.

## Ông không lại bà

Ông Bảy đã ba ngày không có rượu uống, rượu thì hết mà quán thì lại xa. Thèm quá ông sai thằng con 10 tuổi đi mua rượu.

Ông dụ nó :

- Con đạp xe ra quán bà Tám ở đầu xóm mua cho ba một lít rượu về ba sẽ cho con 5 đồng.

Thằng nhỏ vui vẻ cầm chai đạp xe đi. Khoảng nửa giờ nó trở về với cái chai không.

Ông Bảy thất vọng hỏi :

- Quán bà Tám hết rượu rồi hả con ?

Thằng nhỏ trả lời :

- Thưa ba, còn nhưng con không mua.

Ông Bảy ngạc nhiên :

- Ba bảo con đi mua rượu sao con lại không mua ?

- Tại vì má nói nếu con đừng mua rượu cho ba, má sẽ cho con 10 đồng.

## Con của cha mẹ ruột

Thầy giáo kiểm tra chỉ số thông minh của học sinh.

Thầy hỏi: "Ai là con của cha mẹ em, mà lại không phải là anh chị em ruột của em?" Tí trả lời: "Đó là em, Tí ạ". Thầy giáo rất hài lòng.

Đến lượt Tèo, thầy cũng hỏi: "Ai là con của cha mẹ em mà không phải là anh chị em ruột của em?". Tèo gãi đầu gãi tai: "Để em về nhà suy nghĩ đã ạ".

Về nhà nghĩ mãi không ra, Tèo bèn đi hỏi Tẹo: "Ai là con của cha mẹ cậu mà lại không phải là anh chị em ruột của cậu?". Tẹo đáp ngay: "Đó là Tẹo còn ai".

Hôm sau Tèo hớn hờ đến lớp khoe với thầy chắc như đinh đóng cột: "Em biết đó là ai rồi, đó là bạn Tẹo ạ".

Thầy lẩm bẫm: "Sao lại thế, phải là Tí chứ nhỉ?"



# Thức Hóa quê hương tôi

**T**hức Hóa, nơi tôi đã sinh ra và lớn lên trong tuổi thơ ấu. Tôi không được may mắn sống lâu tại làng xóm. Tôi đã sớm rời bỏ nơi quê cha đất tổ lúc 12 tuổi để vào trường thử, tiểu Chung Viện, rồi đại Chung Viện. Mặc dầu không được sống lâu tại quê nhà nhưng hình ảnh ngôi nhà thờ đồ sộ với tháp chuông cao vút, cách kiến trúc đô thị của làng nhất là tinh thần đạo đức của Tổ Tiên vẫn còn ngự mãi trong tâm trí của tôi.

Tôi được biết làng tôi đã được thành lập vào năm 1828 dưới thời Vua Minh Mạng. Người đứng đơn là cụ Đình Viết Hưng, một nông dân nghèo, đại diện cho 31 cụ tổ xin thành lập làng và được cử làm Lý Trưởng đầu tiên của làng. Cụ cũng là người chịu tử đạo trong số 28 Anh Hùng Tử Đạo xứ Thức Hóa. Các Anh Hùng Tử Đạo của chúng ta bị bắt và bị xử chết bằng những án hình khác nhau như bị cắt tiết, bị cắt cổ chết, bị đốt, bị chôn sống và bị chém khi Vua Tự Đức ra chiếu chỉ cấm đạo năm 1861, Các cụ tổ của chúng ta can đảm chấp nhận chịu đau đớn cực hình và chịu chết để tuyên xưng đức tin trước mặt mọi người. Tôi rất hãnh diện được làm con cháu của các Anh Hùng Tử Đạo vì gia đình tôi có cụ tổ Phêrô Đình Viết Nhuận, họ nội và cụ tổ Đaminh Đình Viết Úy, họ ngoại cũng chịu tử đạo trong số 28 Anh Hùng Tử Đạo Xứ Thức Hóa,

Tôi vẫn còn nhớ cách kiến trúc của làng được phân chia thành 7 giáo xóm : Bắp Hợp kính thánh Phanxicô

Xaviê, Nhân Nhượng kính thánh Gioan, Phan Long kính thánh Philômêna, Trung Nghĩa kính thánh Đôminicô, Trung Tín kính thánh Phêrô, Phụ Phượng kính thánh Giuse và Nam Hòa kính thánh Vincentê.

Tôi cũng còn nhớ làng Thức Hóa cũng phải chịu cảnh chiến tranh từ năm 1950 tới năm 1954. Nhà thờ bị xuống cấp. Đời sống khó khăn. Ngày 20 -07-1954, Hiệp định Geneve ra đời chia cắt đất nước. Những người không chấp nhận chế độ Cộng Sản đành phải rời bỏ làng nước ra đi vào miền Nam định cư tại Sài Gòn, Hồ Nai Bùi Chu và Kênh 5 Cái Sắn. Rồi biến cố đau thương lại đến, ngày 30 tháng 04 năm 1975, những người đã từng chối bỏ chế độ Cộng Sản không chấp nhận chế độ Cộng Sản lại phải cất bước ra đi hải ngoại tìm tự do một lần nữa. Một số bà con làng Thức Hóa chúng ta đã định cư tại Hoa Kỳ, Úc, Tây Đức và Âu Châu.

Nhìn lại làng Thức Hóa, tôi luôn luôn tự hào là người đã được sinh ra trong một làng kiêu mẫu ngấn nấp, có tổ chức chặt chẽ, một đời sống tôn giáo sầm uất và một tinh thần tương thân tương trợ cao. Tôi đã được thừa hưởng một gia tài tinh thần quý báu của 28 Anh Hùng Tử Đạo là lòng dũng cảm, đức tin sắt đá và lòng yêu mến Chúa nhiệt thành.

Xin cảm tạ Chúa đã cho chúng con 28 Anh Hùng Tử Đạo truyền lại cho chúng con truyền thống hào hùng bất khuất không bị khuất phục và lùi bước trước những trở ngại khó khăn nào.

Xin kính nhớ Tổ Tiên ngàn đời đã để lại cho con cháu Thức Hóa

chúng con một gương sáng chói về lòng dũng cảm, bao dung và độ lượng để chúng con sống hòa hiếu với mọi người.

Linh Mục Giuse Đình Công Huỳnh,  
Người con của Thức Hóa



## Cười !

### Tránh vở dừa...

Hai vợ chồng nọ cùng lên xe bus. Vừa ngồi xuống ghế, cô vợ nghe loáng thoáng thấy có người nhận xét về mình:

- Khiếp, bà vợ sao mà trông già thế, cứ như hai chị em!

Cô vợ đỏ mặt lên vì giận dữ. Một người đàn bà đứng tuổi ngồi bên cạnh cô vợ thấy vậy liền hỏi:

- Có chuyện gì mà chị trông bực dọc thế?

Nén tiếng thở dài, cô vợ quay sang bà khách đồng hành than thở:

- Mấy con mẹ lắm chuyện ngồi ghế sau xúc phạm tôi!

Nghe vậy bà khách đồng hành quay sang nói với anh chồng:

- Này cậu, tại sao cậu lại để người ta xúc phạm mẹ cậu như vậy hả ...?

-...!!!!!! 😊🙏

## VOCATION AND YOUTH OF TODAY

I was asked to write some words on the meaning of vocation and its impact for the Youth of Today. The reason for this invitation is very simple: I have been ordained recently. But the motive which probably weights most, is basically that I am son of the Worldwide Catholic Community of Thuc Hoa. I am hesitating a little bit, because I do not sure whether I am the right person for this article. A lot has been said about this subject and I must confess that I even do not know where to begin with. Nevertheless, I will obey to the request and here are some of my personal thoughts ...

So, I will try to give my best to outline the basic essentials of vocation. I will do it by dividing this topic into three sections:

- a) The situation of Faith in the twentieth century;
- b) What is Vocation?, and finally
- c) Vocation and the Search for Happiness.



### THE SITUATION OF FAITH IN THE 20<sup>TH</sup> CENTURY?

We still remember the heartbreaking events of September 11<sup>th</sup> and its even more disastrous consequences which seem not to interrupt the circle violence and deaths. On the other side one perceives also the Rise or Return of Religion, at least in the United States. It seems that Religion is heavily linked with political affairs. Whereas religious conviction is continuously shaping the public debate in the US, Religion in Europe is declining. According the recent opinion polls, only 20 per cent of European Christians are regularly attending the Sunday Worship. This percentage gives us a clear message: In Europe Worship is not seen as the bound

of common value which is to defend and which is to be promoted globally. Worship – to say it more drastically – is in Europe out of date. And this has enormous consequences for the social life. Now, allow me to give you some

reasons for my hypothesis by going back to begin of the formation of the Church. From there we will be able to sketch out the risk and the danger for a society without Faith.

The Sociologists told us that the formation of the identity is colossal important for the existence of a group or population. There many criteria which assist to build up a common identity, such us language, rules, education, race etc. These are the basic elements to define what the identity of a population is about. But in case of the formation of the Christianity, the criteria were more sophisticated. We have to remind that the Roman Empire has persecuted severely the Christians. It has been said that

during these periods of brutal discrimination, some hundred thousands Christians have been victims of religious intolerance. In fact, the Christian communities at this time were able to survive only because they have had an distinguished identity which bounded and consoled the people in their confrontation of hate and threats. And one insuperable strength was their Faith which is concretely manifested in the way of Worship: the Eucharist. Knowing that they were the consecrated assembly of God and there heirs of the Heavenly Kingdom of Justice, the Christians were able to undergo the deaths. As Saint Paul said once: Who can separate us from the Love of God? Distress, Sword, or hate of this World? Christ himself has died for our sake. The participation in the Eucharist was the anticipation of those things which will be real when the Kingdom of God is near and for which the first Christians were hoping for. So the identity was shaped by the Participation at the celebration of Eucharist and it was the bound which has transformed the World of hate in

a better World of Love. In fact the persecutions were not able to extinguish the Christian existence, but have energized it and have converted many non believers into faithful Christians. Today more than 1.4 Billion of the whole world are Christians. The Christians have shaped the Culture of Europe and also that of the US. We can say that Christianity and its network of Charity was the first global player par excellence.

So there is a good reason for the triumph of Christianity. Not necessarily, because the corporated identification with the Christianity is today not based anymore on the Participation of Eucharist. Why? Because our existence is an broken existence or better an interrupted existence. In the Sociology one is speaking about multiple-identity which means that young people have lost the capacity to connect their many talents with each other and so build up a consistent and authentic identity. Many young vietnamese fellow suffers precisely on the fact that they are not able to unite coherently the

vietnamese culture and that of the country in which they have grew up. This interrupted existence therefore does help much for the understanding the Eucharist, because to be Christian is only one of this disconnected identities which exist in the hart and mind of young vietnamese people. So one recognizes that Faith is important, but Eucharist remains nevertheless an isolated identity within the separated person. This brings enormous change for the common life. For instance, in Europe which is still dominated by the christian heritage (architecture, language, educational systems, social charity etc.), christian politicians have rejected to insert the Name of God in the Preamble of the European Constitution. So we see here clearly the discrepancy or dilemma of modern man. Together with the interrupted identity, the perception of sins is in diminution. But if one is unconscious of this probable failure, how can one understand the meaning of the Eucharist in which we ask Christ to purify our hart and mind? To conclude, Faith on one side is still important. On

the other side, however, Faith remains marginal in moral conduct of an isolated Person of multiple identities.

## WHAT IS VOCATION?

So what to do? The Bible may provides us some suggestions.

Vocation occurs constantly in all

the Bible. At the very

beginning, in the

book of Genesis, God

creates the Cosmos

by naming the

species. To call

somebody by name is

to call somebody into

existence: the name

of a person is strictly

connected to a

concrete person. But

by naming or calling

the species into existence, God

himself allows his creatures to

call him by name: God is the God

of Abraham, Isaak and Jacob.

Through this name God identifies

himself as the God who takes

care of the ancestors of the people

of Israel. When the people of

Israel continues to call him name,

surely God will continue to

extend his benedictions to them.

According to the Bible, vocation is nothing else than the call into

existence or the foundation of identity. In the New Testament

the progress of identification has

reached its climax: Jesus Christ is

the “λόγος του θεου”, thus the

Word of God. In other places of

the NT Jesus Christ is also

identified as the “Face of God”.

into death. As we know, death

frightens us, death annihilates our

existence, our identity. By Jesus

Christ’s resurrection God again

call us into existence and give us

anew identity. Therefore in

Genesis 1, 26 it is said that we

were created like God’s images.

So vocation has to do with the

call into

existence which

gives us a new

identity.

Vocation

therefore

presupposes the

whole hearted

dedication to the

Word of God

who is the

Creator of all

things, thus the

Giver of Life. Those who are

called form thus the new people

of God, in ancient Greek the

“λαός καινός”. Through the call

of God those who are called

become a new unique personality,

a new personal integrity which

one hardly can acquire with

richness. Vocation therefore is a

heavenly donation and



According the Gospel of John it

is Jesus Christ who shows us who

his Father is when Jesus Christ

tells his disciples: “Those who see

me, will see also the Father”.

Saying that Jesus Christ intends to

teach his disciples to have faith in

him. We see through faith we will

also understand who God is: A

Loving God who has even not

refused to assign his begotten Son

endowment which equips us with immense freedom and happiness. Vocation and the Search for Happiness?

If we would ask a child whether he would like to be happy, he would answer without hesitation that he desires it most. And it is true also for all human beings. None of us would deny the fact that we all hope to be happy. But let us see how and where to find happiness. Despite the common desire to be happy, our idea of what is happiness about differs and depends on what our needs are. Young men's design of happiness is different than that of elderly people. Vietnamese Young men's thought of pleasure could also disagree with that of their American fellows. Nevertheless there exists a common value: Happiness must be long-lasting or better eternal, because changes or instabilities create so much sadness in our Life. Who is not mourning, when he lost his job or his relatives by death. St. Augustine, for example, felt bitterness in his hart, when his friend has died: "Grief darkened my hart. Everything on which I set my gaze was death. My home town became torture to me; my father's house a strange world of unhappiness; all that I had shared with my friend was without him

transformed into a cruel torment. My eyes looked for him everywhere, and he was not there. I hated everything because they did not have him, nor would they now tell me "look, he is on the way", as used to be the case when he was alive and absent from me. I had become to myself a vast problem, and I questioned my soul "Why are you sad, and why are you very distressed? But my soul did not know what reply to give" – so St. Augustine in his famous book on the "Confessions". So Augustine inflamed us to look after those things which even surpass human friendship. We have read that this kind of friendship is never everlasting, because it faces one day the death. And death causes distress. Besides human friendship is never free of egoism. So what to do? Augustine told us to search for a Love which is everlasting and which does not undergo changes, because those things we love we would like to have them always with us. According St. Augustine only the Love for God gives us stability and integrity in our changing Life: "There is no greater Love than that of a friend who willingly sacrifices himself for his friend" – says St. John. So there we have the Triumph of Love over the Death. God, our Friend, died for us through his beloved Son Jesus Christ in order to

lift up our desire for eternal and everlasting things.

To conclude: I hope to have exposed clearly the link between Vocation, Love and Happiness. So if vocation is the call into identity which creates an unique personality, then this uniqueness of personality can only base on the fact, that it finds his Love in everlasting things which form the source of happiness. There we have the reason why today there are still young men who have left all worldly desires behind and have decided to take up the Cross of Jesus Christ, because through the Cross we will see that God is moved by his compassion and love for his creatures. The imitation of Jesus Christ requires therefore that people whom God has called should serve modestly the creatures of God in all aspects. Thereby is it most important to trust the Love of God and the prayer of the Faithful.

Greetings from the eternal City Rome

**Rev. Giuse Lam Cong Quy OSA**  
Pontifical University of Lateran



# Đưa Con Hiếu Thảo

-Rò...i.  
- Nhưng anh uống lâu chưa?  
-Ồ...hồ..i sá.ng.

-Bây giờ đã hơn 4 giờ chiều. Vậy là anh đã bị mê man gần một ngày! Tội nghiệp anh quá, trong lúc bệnh mà không có ai săn sóc....Rồi nó lại cắn môi, không cho nước mắt rơi :

-Thôi anh uống đỡ thuốc này, để em đi nấu cháo cho anh nhé.

Duy trở người lại, đưa tay đỡ lấy ly nước và viên thuốc từ tay của Liên. Tuy rất khát nước, nhưng khó khăn lắm anh mới uống hết ly nước vì còn đang chóng mặt...

Duy từ từ nhớ lại giấc mơ vừa rồi. Một giấc mơ sống động như thật. Duy về Việt Nam thăm mẹ và các em. Mẹ Duy mừng lắm, lúc nào cũng vui vẻ quần quít bên con. Được tin anh từ bên Mỹ về, các em gái, em rể đều tề tựu ở nhà mẹ để phụ giúp làm cơm. Đứa xuống ao kéo cá, đứa vặt lông gà, đứa nạo đu đủ. Cả nhà tấp nập như có đình đám. Mấy đứa cháu cứ bám lấy chân Duy "Bác ơi cho cháu xin kẹo". Thấy các cháu rất dễ thương, nên anh chiều chúng lắm. Duy nhìn thấy mọi người đang ra sức lo cho bữa cơm, liền chạy lại phụ mẹ, vặt lông mấy con vịt, bóc mấy củ tỏi và lật ít hành. Sau hơn một giờ nấu nướng, mùi thơm đã bay ngào ngạt tới cả xóm láng giềng. Xong đâu đấy, mấy đứa em gái lo trái chiều giữa nhà để dọn thức ăn lên. Mọi người cùng ngồi quây quần chung quanh những mâm cỗ thật ấm cúng. Trong bữa ăn, mẹ cứ rối rít gấp thức ăn cho anh, làm như con còn bé lắm. Bà rất chu đáo, biết con ở Mỹ về sợ uống nước mưa bị đau bụng, nên đi mua nước lọc và những quả dưa tươi để một đông sau nhà. Vì thương con, bà còn cẩn thận giữ những nồi thức ăn luôn được đun nóng dưới bếp. Khi nào thức ăn trên mâm gần hết, bà lại chạy xuống bếp múc thêm những đĩa thức ăn nóng

**D**i học về tới nhà, con Liên bước thẳng vào phòng riêng, nó ném cặp sách lên giường, thay quần áo rồi vội vàng vào phòng tắm. Đứng ra sau khi về học, nó muốn lao mình xuống giường để làm một giấc, vì quá mệt, nhưng hôm nay người nó cảm thấy nức nộ và thèm được đứng dưới vòi nước mát lạnh trước khi lên giường. Tắm xong, nó trở lại phòng ngủ. Lúc ngang qua phòng của người anh bạn dì, nó nghe có tiếng ú ớ trong phòng như có người bị bịt miệng. Đoán biết có chuyện chẳng lành, nó liền xô cửa xông vào.

Thấy Duy đang nằm sấp như một người mới bị bắn gục, chân tay mềm nhũn, đầu tóc và toàn thân đều ướt đầm mồ hôi, miệng đang ú ớ: "Mẹ...ơ..i, mẹ...ơ...i".

Nghe Duy cố gắng gọi mẹ, con Liên đoán biết anh đang mê sảng. Nó chớp mắt, chạnh lòng thương nhớ tới người dì của nó, tức là mẹ Duy.

Thực ra mẹ Duy đã mất cách đây hơn hai tháng rồi. Chính Duy khi nghe tin mẹ bị bệnh, anh đã vội vã về Việt Nam để săn sóc. Về đến nhà được 4 ngày thì mẹ ra đi vì con bạo bệnh.

Từ khi trở lại Mỹ, Duy nhớ mẹ quá không thiết ăn uống, người bắt đầu gầy còm, xanh xao, tinh thần sa sút. Mấy hôm nay Duy bị ngã bệnh. Con Liên rất thông cảm với anh họ của nó, một thanh niên độc thân sống lẻ loi một mình ở bên xứ Mỹ, không có anh em ruột thịt ở chung quanh để giúp đỡ khi đau ốm bệnh hoạn. Duy vẫn ở chung nhà với bố mẹ Liên, nhưng vì cuộc sống, ai cũng phải đi



làm, các em Liên đi học, vì thế khi Duy bị bệnh, chẳng có ai săn sóc. Liên cũng thương tiếc mẹ của Duy đã qua đời lúc tuổi còn quá trẻ, mới ngoài năm mươi. Nó nhìn vào gương mặt tiều tụy của Duy, một người trẻ hiền lành, sao lại gặp quá nhiều bất hạnh! Nó đưa tay lên cố chặn những giọt nước mắt. Sau một lúc nghẹn ngào, nó lay Duy dậy:

-Anh Duy ơi! Anh Duy ơi! Anh làm sao vậy?

Duy đang bị lồi cuồn theo cơn ác mộng, toàn thân mệt mỏi rã rời, hơi thở dồn dập như bị ma đuổi. Nghe được tiếng nói của con Liên, anh từ từ mở mắt ra, nhưng nhắm vội lại vì quá nhức đầu, mặt mày choáng váng quay cuồng. Duy nghe tiếng con Liên lơ mơ:

-Anh Duy ơi! Anh đã uống thuốc gì chưa?

Duy âm ừ :

khác mang lên. Cũng chính vì vậy mà bà bị vấp té, làm tung đĩa thức ăn ra hè. Duy nghe thấy tiếng la thất thanh của mẹ ở phía bếp, anh hoảng hồn, bỏ bát cơm xuống vội chạy ra tìm mẹ. Thấy mẹ ngã sấp đầu quá, anh la lên: "Mẹ ơi... Mẹ ơi!...". Đang mơ tới đó thì con Diễm chạy vào lay anh dậy, làm giấc mơ chấm dứt.

Bây giờ tỉnh lại, tuy đã biết đó là giấc mơ nhưng anh vẫn cảm thấy như mất mát một cái gì thân thương quá, đầm ám quá. Mẹ thật sự không còn nữa. Bố thì đã ra đi cách đây 5 năm. Đời sống của mình ở trên đất Mỹ này với mục đích giúp đỡ bố mẹ và gia đình, giờ còn ý nghĩa gì nữa. Nghĩ tới đây mắt Duy lại nhòa đi, vùi đầu vào gối nhớ lại những ký ức kể từ ngày bố mẹ lo cho anh đi vượt biên.

\*

Làng quê Thúc Hoá Kinh 5 thuộc quận Kiên Tân, Tỉnh Kiên Giang là nơi sinh quán của Duy. Năm 1954, ông bà nội của Duy cùng với một số người ở làng Thúc Hóa từ Bắc di cư vào Nam. Thời gian đầu tạm cư ở Hồ Nai, Biên Hoà được hai năm. Đến năm 1956 khi dinh điền Cái Sắn đã sẵn sàng cho người Bắc di cư tới lập nghiệp, thì ông bà nội của Duy về đây sinh sống. Vào đầu thập niên 70, bố Duy lập gia đình với một thiếu nữ xinh đẹp ở xứ Tân Chu. Sau đó bà sanh ra Duy ở nơi này vào những ngày tháng đen tối nhất của Miền Nam Việt Nam cuối năm 1974. Trước năm 1975 là một vùng trù phú, chuyên trồng giống lúa Thần Nông nên đời sống dân làng khá hơn nhiều so với những người dân địa phương quanh đây. Về văn hoá và đạo đức ở đây cũng khá cao vì các con em đều được các cha, các thầy hết lòng nhiệt tình dạy dỗ, khuyến khích học hành tới nơi tới chốn, hầu mong về vang cho dân tộc sau này. Bố của Duy trước đây cũng là một trong những thầy giáo góp công sức cho ngôi trường làng. Sau biến cố 1975, mọi sự hoàn toàn thay đổi. Các sĩ quan, quân nhân đều phải chịu tù

đày. Cánh đồng Kinh 5 trù phú bạt ngàn xanh tươi từ từ đổi dạng, thay vào đó là những cánh đồng cỏ rác. Những giải đất trước kia màu mỡ nay bị quy vào hợp tác xã, trở nên khô cằn, chai lì, không còn máy cày tung xới như ngày xưa. Tất cả công ăn việc làm đều bị lũng củng bởi ban chỉ đạo hợp tác xã bất lực. Dân chúng vì không muốn gặp rắc rối, nên phải cặm cụi tuân hành. Tuy làm cực khổ mà vẫn không đủ ăn. Việc học hành của các con em hầu hết bị gián đoạn. Xã hội thì ô hợp, giáo dục tuyên truyền một chiều, nên những người trí thức đều chán nản. Các đoàn thể tôn giáo đều bị cấm sinh hoạt, không cho nhóm họp. Tóm lại, lúc đó trăm ngàn bất mãn khiến dân Kinh 5 đi vượt biên phá kỷ lục trong vùng. Một số người lọt ra nước ngoài, một số khá lớn bị chết chìm giữa biển, nhiều người bị bắt lại và phải vô tù.

Vào thời buổi nhiễu nhương đó, bố Duy cũng đứng ra lo cho gia đình tìm đường vượt biên. Vào cuối năm 1979, bố Duy cùng với một số người khác nữa hùn tiền cho một chuyên đi nhưng không thành. Tới năm 1981, bố mẹ Duy gom vàng bạc đóng cho người tổ chức vượt biên để lo cho cả gia đình ra đi. Tối hôm đó bố Duy cũng đưa em, còn Duy theo mẹ vội vàng băng qua cánh đồng để tới một đầm đã hẹn. Nhưng khi ra cửa biển để lên tàu lớn, thì đã bị "bê". Tất cả đàn ông và thanh niên đều bị bắt vào tù. Đàn bà có con thơ thì họ cho về vì sợ phát bệnh mà chết.

Mẹ Duy mang hai đứa con thơ trở về, gia tài đã bị mất sạch, chồng lại bị vào tù. Giấc mộng đi vượt biên của gia đình Duy tưởng đã chấm dứt từ đây. Mẹ phải quay về với ruộng vườn, lam lũ để lo cho gia đình. Một mặt buồn chái từng đông để thăm nuôi chồng, mặt khác lo nuôi nấng đàn con thơ. Để đảm đang được những việc ấy, chỉ có người đàn bà Việt Nam biết thất lưng buộc bụng và cực nhọc lắm mới kham nổi.

Hai năm sau, bố Duy được ra khỏi tù, trở về gặp vợ và 3 đứa con trong sự tủi nhục. Gia tài giờ đây chỉ còn cái xác nhà, cửa chim của nôi đã hết sạch. Hoàn cảnh gia đình Duy lúc này thật là cơ cực. Những ai đã từng sống ở Việt Nam vào những năm cuối thập niên 1970 và cả thập niên 1980 đều biết cuộc sống gian nan khổ cực là thế nào. Có thể nói trong lịch sử Việt Nam, lúc này là thời kỳ bệ rạc nhất. Kinh tế càng ngày càng lao đầu xuống vực thẳm. Mọi người gần như bị xô vào đường cùng, nên cố vùng vẫy trước khi chết. Đang trong hoàn cảnh bi đát đó, bố mẹ Duy may mắn được các chú di bên ngoại giúp đỡ, ngỏ ý giúp một cháu đi chung chuyên tàu. Cuối năm 1987, gia đình của cậu N. (em của mẹ Duy) quyết định lên đường vượt biên. Bố mẹ Duy như gặp được phao giữa biển, liền gom góp chút đỉnh và gởi Duy đi chung chuyên tàu đó. Chỉ có thế, Duy mới có hy vọng qua bên kia học hành thành tài và lo cho tương lai.

Ngày ra đi chưa đầy 13 tuổi, đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong cuộc đời của Duy. Sau khi ăn Tết Nguyên Đán xong, mọi người chuẩn bị lên đường như đã hẹn. Mẹ đã chuẩn bị đủ mọi thứ cho anh, từ viên thuốc say sóng, lọ dầu cù là, cái bàn chải đánh răng, một ít chanh đường phơi khô, v.v... Bà lấy một cái quần đùi cũ của Duy, tháo cạp quần, luồn vào đây một sợi dây chuyền duy nhất còn lại của bà, rồi cẩn thận khâu lại hai ba lần. Tới hôm đi, bà bảo Duy mặc chiếc quần đùi đó bên trong: -Con nhớ cái quần này nghe, trong đó có cái dây chuyền của mẹ, sang bên đó lúc túng quần, nó sẽ giúp con. Thấy mẹ lo lắng từng ly từng tý, Duy cảm động lắm, thương mẹ quá, chẳng thiết tha đi đâu nữa, nhưng bố bảo: "Đây là một việc quan trọng...". Anh cũng hiểu nếu không can đảm ra đi, thì sẽ không còn cơ hội cứu giúp gia đình sau này.

Tối hôm đó thật là cảm động cho mọi người. Trước khi đi, mẹ dắt con vào

phòng thủ thì, dặn dò đủ điều: -Con cố gắng lên, bố mẹ sẽ luôn cầu nguyện cho con. Con đi với chú di và từ nay nghe lời của chú di nhà. Con cố gắng học hành để lo cho tương lai của con, từ nay mẹ không lo cho con được nữa.

Nói được có tới đó thì bà nức lên, ôm mặt nức nở trong bóng đêm. Duy biết lúc đầu bà cố gắng như không có chuyện gì xảy ra, nhưng chỉ vài phút sau thì cả hai mẹ con đều không giấu nổi xúc động khi nghĩ đến phải lúc xa nhau mãi mãi!

Bố thì từ trước tới nay vẫn ra vẻ kiên cường: "Là một nam nhi roi đầu không roi lệ". Nhưng hôm nay thấy mẹ con ôm nhau rầm rứt trong đêm, ông không khỏi mũi lòng, cũng đưa tay chạm nước mắt. Ông quay ra phòng khách, lấy cái điều cày làm một hơi thuốc lào. Bố xưa nay vẫn thế, khi có điều gì quan trọng là ông hút thuốc liên tục, mắt nhìn mông lung, đầu óc miên man suy nghĩ, có khi bị muỗi cắn mà không thèm vỗ. Đưa mắt nhìn đồng hồ đã gần 12 giờ khuya, ông chạy vào khe khẽ nói:

-Má của Duy ơi, gần tới giờ rồi đấy. Ông biết đây là những giây phút tình nghĩa thân thương ngắn ngủi còn lại. Ông quay sang Duy ôn tồn:

-Thôi con chuẩn bị đi là vừa. Lần này con ra đi mọi sự đều tốt đẹp, không có chuyện gì trở ngại nữa. Bố đã xin khấn rồi, con cứ yên tâm. Nói xong ông bước lại dặn dò: -Con phải lo cho tương lai của con. Bố mẹ không giúp con được tới khôn lớn, trong lòng áy náy lắm, mong sau này con sẽ hiểu.

Duy không biết nói gì, chỉ thút thít vừa khóc vừa kéo túi đồ mà mẹ đã chuẩn bị sẵn rồi nghẹn ngào:

-Mẹ ơi con đi.

Bố kéo tay Duy ra phía sau ruộng. Hai cha con đi một quãng thì gặp một người đang đợi sẵn. Bố bước lại

thì thầm với người đó rồi chia tay Duy để quay về.

Duy cùng gia đình chú di Thu lao vào bóng tối theo người hướng dẫn. Cuối cùng được đưa tới một chiếc tàu nhỏ chứa khoảng hơn 30 người. Khi qua khỏi cửa biển khoảng vài cây số, Duy quay đầu lại nhìn thị xã Rạch Giá lần cuối qua những ngọn đèn lờ mờ nhấp nháy như đang giơ tay vẫy chào chiếc thuyền vượt biên của chàng. Duy lẩm nhẩm đọc kinh Kính Mừng... Xin Mẹ Maria cầu nguyện giúp cho chuyến đi bình yên. Nhưng lời kinh không thể đè nén nổi những thôn thức của một thiếu niên lần đầu tiên phải xa cha mẹ, các em, họ hàng và bạn bè làng xóm thân yêu. Duy cảm thấy thương nhớ mọi người khi nghĩ đến từ nay không hy vọng có ngày gặp lại.

Từ hôm con ra đi đến nay không ngày nào mẹ Duy ăn ngon, ngủ yên. Như vậy là đã hơn một tháng rồi, mà chẳng có tin tức gì. Ở trong kinh, các thân nhân của chuyến đi ấy, ai nấy đều xôn xao đồn thổi lung tung. Thường thường mọi chuyến đi chỉ vài ba tuần là biết lọt hay không, nhưng chuyến này đã hơn một tháng rồi, như vậy là may ít rủi nhiều. Người thì nói chắc bị hải tặc làm thịt cả đám rồi. Kẻ nói chắc bị bão tố chìm hết trên biển rồi! Bố mẹ Duy từng ngày từng giờ mong ngóng tin con đã sót ruột, lại nghe mấy tin đồn lung tung thì càng đau đớn lắm. Hai người không thiết gì trên đời, không còn làm lụng gì cả vì suốt ngày chỉ nghĩ đến con. Mẹ Duy ban đêm thường hay gặp những ác mộng ám ảnh. Ngày ngày ra vào nhìn thấy các đồ dùng của con. Nào là cái xe đạp của con, mớ cần câu của con, quần áo của con, v.v... Mỗi lần thấy những thứ ấy là mỗi lần ruột gan quặn đau. Đến bữa cơm còn thể thảm hơn nữa, bụng bát cơm lên, nghĩ đến con, lại khóc. Cơm chan canh nước mắt là thường ngày.

Cuối cùng tin mừng cũng đã đến, chú

di của Duy báo tin về là "Đã đến nhà bác Thái". Sở dĩ không báo tin về sớm được là vì lúc đó các trại tỵ nạn Thái Lan đang chuẩn bị đóng cửa. Những người mới đến được dồn hết lên một trại cắm ở phía Bắc của Thái Lan. Ở đây mọi thư từ liên lạc ra ngoài thật khó khăn.

Nhận được tin, bố mẹ Duy tạ ơn Trời cao đã thương đến gia đình trong cơn túng quẫn nhất. Để bù lại những ngày lo buồn, ông lấy chĩa nháy xuống ao kéo lên mấy mẻ cá tai tượng con nào con nấy to như cái vung nồi com để đãi tiệc. Cả nhà hân hoan, vui vẻ trở lại. Bố mẹ Duy mời bà ngoại, các bác, các chú di và con cháu tới làm một bữa gỏi cá. Bố Duy lại còn chạy vào nhà anh tư Luông mua thêm một cặp vịt lớn về đánh tiết canh và nấu cháo nhậu lai rai với các bác, các chú.

Duy và những người vượt biên tới sau tháng giêng năm 1988 bị dồn vào trại cắm "Ban-Thad", cách Phanat Nikhom vài trăm cây số về phía Bắc. Sau đó vài tháng, thì một số người tới sau cũng được chuyển đến, trong đó, có cả Linh mục Nguyễn Hữu Lễ. Những ai bước vào trại này đều được cơ quan của Cao Ủy Liên Hiệp Quốc nhắc nhở: "Quý vị phải ở đây ít nhất từ một cho tới hai năm mới được phỏng vấn. Bà con cứ an tâm lo học hành và trau dồi Anh văn". Bởi vậy trong trại đã mở ra các lớp học phổ thông cho con em và các lớp Anh ngữ cho mọi người.

Trong thời gian ở trại tỵ nạn, Duy phải khắc phục đủ mọi thứ, phải tự lập để vật lộn với cuộc sống mới, mỗi ngày phải đi gánh nước về cho gia đình chú di, giúp chú di đi lãnh gạo, thực phẩm, v.v... Ngoài các giờ làm việc đó, anh đã cố gắng ghi danh đi học. Sáng học chữ, chiều học Anh văn, tối làm bài. Duy là một đứa bé rất hiếu học. Có lẽ ảnh hưởng từ bố chàng hay anh nghe lời mẹ dặn dò trước khi ra đi nên không phụ lòng mẹ. Nhưng càng thương nhớ bao

nhieu, anh càng chịu khó học hành bấy nhiêu. Duy không đàn đúm bạn bè, băng đảng như một số đứa khác. Thật là một đứa bé ngoan ngoãn. Duy luôn đoạt điểm cao trong các kỳ thi của lớp. Thật lạ lùng, ở trong trại tỵ nạn này, học sinh có hàng vài ngàn người ở nhiều nơi khác nhau: Huế, Đà Lạt, Lâm Đồng, Hồ Nai, Vũng Tàu, Mỹ Tho, Cần Thơ, Rạch Giá, v.v...nghĩa là thập phương hỗn hợp, những học sinh giỏi của các trường nổi tiếng ở quanh vùng Sài Gòn rất nhiều, vậy mà Duy lại là một trong những học sinh giỏi nhất của lớp, thì kể là một hiện tượng khá lạ vì trước đây anh học hành lờ đờ do thời

cuộc. Học hành ở trại tỵ nạn đó gần hai năm, Duy được chuyển về trại "Phanat Nikhom" để gặp phái đoàn các nước phỏng vấn. Duy và gia đình chú di Thu đứng chung một "hộ" (Form). Sau khi được phỏng vấn, gia đình đã được phái đoàn Mỹ nhận. Ôi sung sướng là dường nào, mọi người hân hoan vui mừng và cảm tạ ơn trên. Ở đây học về đời sống của Mỹ 7 tháng, rồi đến ngày lên đường tới Mỹ. Thành phố mà Duy và gia đình tới định cư là Philadelphia.

Sang tới đất Mỹ, Duy và gia đình chú di Thu được người bà con họ hàng đón về nhà giúp đỡ cho ăn, ở mấy tuần. Trong những ngày đầu tới Mỹ, Duy phải lo làm giấy tờ và những thủ tục cần thiết. Khi đã mượn được nhà, mọi người lo ổn định đời sống tìm công ăn việc làm. Gia đình chú di lúc này có 4 đứa em: 1 trai, 3 gái. Đứa gái lớn nhất 10 tuổi, đứa kế 8 tuổi còn thằng em họ lúc đó lớn mới lên sáu. Duy ở chung phòng với nó.

Thời gian đầu mới tới Mỹ, hình như ai cũng gặp nhiều bỡ ngỡ. Mặc dù đã được học qua một lớp đời sống Mỹ ở bên trại tỵ nạn. Nhưng không phải cái gì họ cũng dạy. Có những cái rất tế nhị và hơi có tính cách kín đáo, các cô giáo "ngại dơ" nên cho qua luôn. Chẳng hạn như vấn đề ngồi nhà cầu bên Mỹ, nó hoàn toàn khác hẳn

với bên trại tỵ nạn mà các cô không tiện nói ra. Một vài cái bỡ ngỡ khác nữa cũng hơi na ná giống các anh "nón tai bèo" lúc trước sống trong rừng được vào Sài Gòn sau tháng 4 năm 1975.



Sau vài tháng tới Mỹ, Duy đã ghi danh vào học lớp 10. Lúc đầu cũng hơi bị khó khăn với tiếng Anh, nhưng sau một thời gian chàng đã vượt được khó khăn này. Duy rất chăm chỉ học hành, không bao giờ bỏ sót một buổi học nào. Hơn một năm sau, Duy đã trở thành học sinh giỏi của trường, được nhà trường phát bằng khen. Năm ấy Duy còn nhớ mãi, nhà trường dạy học sinh về môn sinh vật học, rồi phát bao áo mưa cao su (Condoms) cho học sinh để phòng ngừa...Accident (ngừa Aid & ngừa thai). Người học sinh giỏi được thưởng thêm một cái nữa. Đặc biệt ưu tiên cho các em học sinh nữ (Ladys first). Duy cứ buồn cười về chuyện này và nghĩ thầm: Không biết ở các tiểu bang khác họ có phát cho học sinh mấy cái của nợ này không? Đối với Duy, ba cái chuyện trai gái chàng không màng tưởng và không thèm để ý. Mấy cái bao cao su được phát để bảo vệ...chàng liệng bỏ trên đường về nhà. Thấy Duy học giỏi, mấy đứa con gái tóc nâu cùng lớp cũng có thiện cảm lắm, một hôm rủ chàng đi nhảy đầm và coi xi-nê, nhưng có bao giờ Duy dám nghĩ tới mấy chuyện...hường thụ đó. Duy luôn nghĩ tới việc học hành là trên hết, quyết tâm đạt cho được nguyện vọng của bố mẹ chàng đang mong

mọi ở nhà. Cuối năm, chàng sẽ tốt nghiệp trung học và sẽ vào đại học sau mùa hè năm tới.

Bước vào đại học, Duy phải lo mượn tiền chính phủ để bù vào với số tiền nhỏ nhoi mà chàng kiếm được mỗi cuối tuần. Tuy học càng lên cao, bài vở càng chồng chất, nhưng Duy cố gắng kiếm một việc bán thời gian để kiếm tiền thêm gửi về cho mẹ. Nhận được quà, bố Duy mừng lắm, nhưng ông vội vàng biên thư khuyên: "Con cố gắng lo học hành, đừng bận tâm cho gia đình. Thời gian còn dài, sau này khi con tốt nghiệp, ra trường có công ăn việc làm vững chắc, lúc đó giúp bố mẹ cũng chưa muộn". Duy hiểu lắm, tuy vậy, chàng vẫn chất chiu, nhịn ăn, nhịn mặc để có tiền gửi về giúp gia đình hàng năm. Biết bao khó khăn về vật chất và tinh thần của một sinh viên đơn độc ở bên xứ người. Ở quê nhà nào có mấy người biết!

Bốn năm trong đại học, sau cùng Duy đã tốt nghiệp và ra trường với kết quả khá vì vậy chẳng khó khăn gì khi anh kiếm được việc làm. Duy được một công ty Computer Software mượn, từ nhà tới chỗ làm mất khoảng hơn một giờ đi xe điện. Duy không mua xe vì muốn tiết kiệm tiền để giúp đỡ bố mẹ bên Việt Nam, ban đầu đi xe điện thấy cũng hơi trở ngại và cũng phải lội bộ mất một quãng để tới Septa terminal, nhưng riết cũng quen, chỉ phải thức sớm và về trễ hơn một chút so với những người có xe. Duy tính nếu mua xe, nội ngay tiền bảo hiểm xe, tiền sửa chữa v.v.. mỗi năm cũng tốn mất vài ngàn USD, số tiền này để giúp gia đình thì cũng khá.

Mới đi làm được hơn một năm, thì một biến cố đau thương đổ ập xuống với Duy. Vào một buổi tối sau khi ăn cơm, chợt có tiếng điện thoại reo. Di của Duy nhắc phone. Di nói "Hello". Bên kia đầu dây áp ứng ... Di T. hỏi lại: "Sao?". Rồi bỗng di khóc oà lên. Duy có linh cảm không lành, bèn chạy vội lại bên cạnh, di nghẹn ngào:

"Duy ơi, bố cháu mất rồi!". Duy nghe như có tiếng sét nổ ngang tai, vội chộp lấy phone. Bên kia đầu dây là tiếng khóc của mẹ Duy, những tiếng khóc thấm thiết làm ruột chàng như đứt ra từng khúc. Rồi qua đường dây, Duy cũng nghe được tiếng khóc của các em một cách ai oán, vừa khóc chúng vừa gọi: "Anh Duy ơi!...Bố mất rồi!". Duy cố lấy bình tĩnh hỏi han đầu đuôi sự tình và được biết: Bố Duy bị lâm trọng bệnh đã mấy bữa nay, không ngờ ông lại ra đi quá đột ngột. Ban đầu không dám cho Duy biết, sợ Duy quá lo lắng và buồn rầu!... Biết được đầu đuôi, anh nói với mẹ: "Con sẽ về. Bây giờ để con sắp xếp để về càng sớm càng tốt".

Mới ngày nào, bố còn ân cần dặn dò con "Thời gian còn dài, con cố gắng học hành, sau này học xong giúp bố mẹ cũng không trễ". Vậy mà sau khi học xong, con đã đi làm được để kiếm tiền, sắp về thăm gia đình, bố lại vội vàng ra đi.

Hôm nay anh trở lại quê nhà lần đầu tiên kể từ khi rời bỏ quê hương, thấm thoát đã 12 năm trôi qua. Người ta về thăm quê với áo gấm về làng, với những vinh quy, còn Duy trở về với đôi mắt đỏ hoe. Gặp mẹ và các em ở phi trường chỉ là nước mắt, những tiếng khóc rầm rức nghẹn ngào để chào đón chàng. Bây giờ đang đứng giữa những người thân, Duy linh cảm bố chàng đang quanh quẩn đâu đây để mừng vui nhìn thẳng con trở về. Ngồi trên xe từ Sài Gòn về Miền Tây, Duy cố kềm hãm xúc động để ân cần hỏi han từng người, nhưng mỗi khi chàng hỏi tới mẹ thì mẹ lại thút thít! Hỏi tới mấy đứa em gái thì chúng cũng mếu ròi khóc! Hình như tất cả mọi người đều có chung một tâm trạng rất nhậy cảm, chỉ cần thêm một chút cảm xúc là làm tràn đầy ly nước.

Về tới nhà, Duy cố gắng tìm lại hơi hướng của người cha thân yêu. Một người cha có số phận hẩm hiu, một đời nhọc nhằn cam khổ bên vợ để nuôi đàn con nheo nhóc. Cái hình ảnh của 12 năm về trước, khi chàng

được bố dẫn trong đêm đi ra điếm hẹn, những cảm giác lúc đó đang hiện về với chàng. Khi chia tay, chàng cảm thấy thương bố lắm. Trong thâm tâm muốn nói: "Từ nay con không thể nào giúp bố đào đất, làm cỏ, xịt thuốc sâu ...được nữa". Nhưng chàng không thể nào thổ lộ với bố được. Không ngờ lần đó là lần



cuối, hai cha con ở bên nhau. Từ hôm về Việt Nam tới nay, Duy quanh quẩn ở nhà với mẹ và các em. Duy không muốn đi bất cứ nơi nào vì lòng chàng đã tan nát, không bất cứ thú vui gì có thể lôi cuốn chàng được nữa. Duy thương mẹ lắm, mẹ còn quá trẻ mà bố đã bỏ ra đi. Trong suốt bao nhiêu năm hai người cùng chia ngọt xẻ bùi trong nghèo khó, gian nan. Vậy mà giờ đây một trong hai đã gãy cánh lia trần, đem đến bao cô đơn thương nhớ cho người ở lại.

Lâu nay phải xa gia đình, sống ở xứ người trong sự cô đơn. Sự nhớ nhung bố mẹ, các em làm Duy trở nên trầm cảm. Bây giờ được ở trong căn phòng ấm cúng của gia đình đầy tình thương mến, làm lòng Duy bùng dậy tuổi thanh xuân với tình cảm môn môn mà đã lâu lắm chàng mới được hưởng. Từ hôm Duy trở về thăm, không khí gia đình bớt lạnh lẽo cô đơn, mọi người cảm thấy ấm áp hơn. Duy cố gắng tìm cách an ủi mẹ và các em, đem lại niềm tin và sức sống cho mọi người. Sau hơn một tháng quay quần bên gia đình, Duy cũng phải lên đường trở về Hoa Kỳ với công việc bó buộc. Khi tiễn đưa ra phi trường, mẹ và các em Duy không kèm được xúc động, tất cả đều sụt sùi, nước mắt ngấn dài làm làm Duy càng thêm bối rối.

Từ đó đến nay đã 5 năm rồi, Duy lo

làm ăn để giúp mẹ và các em. Tất cả số tiền lương đều được Duy rút ra và gửi hết về cho mẹ, chỉ trừ một số ít tiền chàng phải trả nợ tiền học còn thiếu. Duy không sửa gì được cho riêng chàng, không muốn hưởng thụ bất cứ những gì đáng ra chàng được hưởng như các bạn bè. Bởi sau lần về Việt Nam, chàng cảm thấy thương tâm quá, trong lòng đã quyết định không bao giờ ăn xài lãng phí, cố gắng hy sinh sống kham khổ để dành tiền cho gia đình. Duy không mua xe, không mua nhà như những người khác, quên đi việc lập gia đình trong lúc này. Vấn đề ưu tiên hàng đầu là giúp thân nhân của chàng bên Việt Nam. Duy muốn mẹ và các em được ngẩng mặt không thua kém mọi người. Chính vì vậy mà sau 5 năm, mẹ và các em của Duy ở Việt Nam trở nên khá giả. Hai đứa em một trai, một gái đã lập gia đình, Duy cũng lo tiền cho chúng mua đất, ruộng vườn, cất nhà không thua kém bất cứ một gia đình trong xóm làng. Bây giờ mẹ Duy đã có nhà cửa đẹp đẽ. Bà con lối xóm ai nấy cũng trầm trồ xuýt xoa. Mỗi khi có dịp được nói chuyện với Duy trên điện thoại, bà luôn khuyến khích việc Duy lập gia đình, nhưng Duy chỉ lảng sang chuyện khác, không muốn mẹ lo lắng cho chàng.

\*

Thành phố Philadelphia về mùa hè thì ấm áp, quang cảnh ngoài đường tấp nập vui vẻ. Nhưng về mùa đông thì lạnh lắm. Trời đã lạnh, lại càng lạnh hơn vào những ngày bão tuyết. Mấy tuần nay vùng Đông Bắc Mỹ có bão, những cơn gió lạnh từng đợt vù vù làm cho những vũng nước hai bên đường đông thành đá. Những đồng tuyết trắng xóa được gom vào hai bên đường cách nay cả hai ba tuần rồi mà không sao tan nổi. Đường phố vắng tanh vì trời quá lạnh, không thấy mấy bóng dáng người qua lại. Tuy vậy cả mấy năm nay sáng nào Duy cũng đi bộ từ nhà tới trung tâm xe điện để đón xe tới sở làm việc. Ai gặp Duy lộ bộ ngoài đường cũng bối rối. Duy mặc những chiếc áo dày cộm có mũ phủ kín đầu, cứ thế cảm

cổ bước, miệng thở ra những làn khói trắng như người đang hút thuốc. Một đời trai trẻ chịu kham khổ trên xứ người như thế, chỉ mong đem lại hạnh phúc cho những người thân còn lại bên Việt Nam.

Duy đang xúc tuyết ở ngoài sân, con Liên gọi: "Anh Duy ơi có Phone". Duy phải quần áo chạy vào. Cầm phone lên, chàng nghe một tin lạnh lùng: - "Anh Duy ơi, mẹ đau nặng lắm, hiện giờ đang ở trong nhà thương Chợ Rẫy... không biết có qua nổi không!".

Lần này không thể chậm trễ. Duy xin phép sở làm ngay lập tức để về thăm mẹ. Hôm sau chàng mua vé máy bay về Việt Nam. Về tới phi trường Tân Sơn Nhất, Duy nói với mấy đứa em đưa chàng thẳng tới bệnh viện gặp mẹ. Chiếc xe phóng thẳng tới nhà thương Chợ Rẫy.

Vào tới phòng của mẹ, Duy vội vàng chạy lại ôm chầm lấy mẹ, nghẹn ngào...không nói lên lời.

Mẹ Duy, nhìn thấy con, ánh mắt bà tươi hẳn lên, miệng lắp bắp:  
-Duy! con ...mới... về... à?

-Vâng con vừa về tới. Mẹ ơi! mẹ có mệt lắm không?

Rồi hai mẹ con mừng tủi thề thào với nhau làm mọi người chung quanh cảm động lắm.

Duy quyết định sẽ ở lại săn sóc và an ủi mẹ. Chàng nói với các bác sĩ: "Bằng mọi cách, xin bác sĩ chữa trị mẹ tôi", nhưng hình như mẹ Duy đã biết mọi việc sắp xảy đến. Bà nắm tay Duy nói từng câu ngắn gọn:

-Con...oi! Mẹ rất mừng ...được nhìn lại con. Từ nay con phải tự ...lo cho mình. Các em của con chúng nó... khá cả rồi. Phần mẹ đã ....xong! Mẹ không thể đoàn tụ với con bên xứ... Mỹ được. Mẹ phải theo bố của con. Các con ở lại... thương yêu nhau. Mẹ sẽ phù hộ cho các con.

Bà càng nói Duy càng đứt ruột, nước

mắt trào dâng trong nghẹn ngào. Bác sĩ nói lời xin lỗi và cho biết tình trạng bệnh ung thư của bà là vô phương cứu chữa.

Mẹ Duy nhất định đòi về nhà. Sau khi bàn bạc, mọi người quyết định đem bà về quê nhà. Hai hôm sau bà ra đi! Toàn gia đình chàng lúc này phủ một màu tang tóc thê thảm lắm.

Cách đây 5 năm khi bỏ ra đi, người đau khổ nhất là mẹ chàng. Hôm nay đám tang thê lương lại một lần nữa đến với Duy và các em!

Duy như người mất hồn, toàn thân tê dại đứng bên thi hài của mẹ. Thật xót xa vì gần đây Duy luôn mừng thầm khi nghĩ tới: "Không còn lâu nữa hai mẹ con sẽ được đoàn tụ với nhau bên nước Mỹ".

Than ôi! Giác mộng đón mẹ đến Hoa Kỳ đã vỡ tan! Giờ đây anh đang đứng bên thi hài bất động của mẹ, hàng trăm người hàng xóm đang ra vào thăm hỏi và chia buồn với gia đình. Các đoàn thể trong xứ đạo, lần lượt đến đọc kinh cầu nguyện cho mẹ anh. Mùi nhang khói tỏa đầy nhà hòa lẫn những giọt lệ của con cháu, làm cho không khí càng trở nên sầu thảm. Sau khi mai táng mẹ khoảng một tháng, Duy từ biệt các em để lên phi cơ trở lại Mỹ.

Khi được tin Duy đã trở về Mỹ, chúng tôi vội vàng đến thăm và chia buồn với Duy. Trong dịp này tôi đã được xem cuốn "Video" đám tang này. Tôi nhìn thấy rất nhiều người thân quen ngày xưa tới chia buồn, đọc kinh cầu nguyện cho người qua đời. Có những người trong khu Thứ Hóa, cách xa mấy cây số cũng có mặt trong những buổi cầu nguyện, viếng xác đêm cuối cùng. Nhiều hội đoàn từ các nơi xa cũng đến chia buồn. Một số các em học sinh bạn học của Lan (em gái của Duy), từ mãi trên trường Tân Hiệp cách xa hơn 10 cây số cũng kéo nhau xuống chia buồn với Lan. Thảm thiết nhất là tôi nhìn thấy mấy đứa em của Duy còn quá nhỏ mà đã mồ côi cha mẹ. Em bé nhất của Duy mới 14 tuổi, lứa

tuổi đang cần sự thương yêu dịu dàng của mẹ. Các em đang vây quanh quan tài của mẹ với những khuôn mặt đầm đìa nước mắt và đang kêu mếu mếu khe khẽ gọi: "Mẹ ơi...mẹ ơi...! sao mẹ bỏ con...!"

Cảnh tượng thật nùng nùng! Từ nay mẹ của các em đã ra đi thật rồi. Các em phải tự diu dắt nhau mà sống.

Ngồi xem cuộn phim Video đám tang, chứng kiến những cảnh tượng đang diễn ra thật thảm thương, các bà xúc động quá sụt sùi khóc. Tôi cũng thấy xót xa trong lòng rồi nghĩ:

-Có phải trời đã xui khiến nên Duy làm chuyện báo hiếu giúp đỡ gia đình trước khi bỏ mẹ ra đi.  
-Có phải cuối cùng cũng chính Trời đã an ủi bố mẹ Duy rằng: "Hai con có phúc vì đã có một đứa con ngoan, biết lo cho bố mẹ và các em. Hai con cứ yên tâm, mọi chuyện Ta đã an bài và sẽ quan phòng chúng nó trong cánh tay của Ta".

Vâng, bố mẹ Duy giờ này có lẽ đang mỉm cười vì có một đứa con rất hiếu thảo.

\*

Trong văn hoá Việt Nam, chữ "Trung" và chữ "Hiếu", rất quan trọng, đã được thể hiện qua câu lục bát:

*Trai thời trung hiếu làm đầu  
Gái thời đức hạnh làm câu sửa mình*

Riêng đối với người Thứ Hóa, cha ông ta đã giữ chữ "Trung" và đã trung thành với Chúa cho đến chết. Bằng chứng là 28 anh hùng tử đạo trong số 30 ông tổ. Còn chữ "hiếu" với cha mẹ, thì khỏi chê.

Ở bên Mỹ này, các ông chồng còn có hiếu cả với vợ nữa ! và hình như các bà cũng muốn vậy !

Đoan Đính



# Câu Chuyện Chim Cánh Cụt Tìm Về

Quê Hương

## "Happy Feet"

Tại Nam Cực, có một lãnh thổ chim cánh cụt, tất cả công dân đều phải biết hát bài "tâm ca" độc nhất để kiếm bạn tình, theo như quy định cho tất cả những ai muốn kết hôn. Có một cặp uyên ương đặc biệt, đó là Norma Jean và Memphis, cả hai ở với nhau và sanh được một quả trứng to.

Anh chồng Memphis được giao phó ấp ủ quả trứng, trong khi nàng Norma Jean cùng các bà vợ khác đi kiếm cá vài tuần lễ. Bỗng một con bão tuyết tàn bạo ập đến, chàng Memphis đánh rơi quả trứng ra ngoài trời đông giá Nam Cực. Hậu quả là thằng con Mumble nở ra, bị điếc và hoàn toàn mất khả năng hát. Bù lại nó lại có năng khiếu nhảy múa. Tài năng này không hề làm vui lòng các vị chức sắc, vì họ không chịu nổi bất kỳ một sự thay đổi nào. Kết cục, trong suốt thời ấu thơ Mumble bị khai trừ khỏi cộng đồng, chỉ còn qua lại với bố mẹ và cô bạn thân Gloria.

Rồi Mumble cũng dần trưởng thành. Qua một loạt tai nạn, chủ yếu bị hải cẩu đói khát săn đuổi, Mumble bỗng thấy mình đã đi quá xa nhà, chỉ có mấy người bạn nhỏ vô tư và chân thành vây quanh. Mumble nhanh chóng kết thân với đám nhóc tí đó. Chúng nhanh chóng lôi Mumble vào cuộc vui chơi nhảy nhót hồn nhiên. Mumble lại càng hoan hỉ khi thấy chúng không kỳ thị sự khác biệt của mình.

Chàng trở về quê, càng hăng say khiêu vũ để gây ấn tượng với cô nàng Gloria, chẳng màng để ý tới

chuyện quê nhà đang lâm cảnh đói khát. Vị lãnh tụ lại cho rằng vì Mumble cứ nhảy múa riết, nên cả lãnh thổ bị trừng phạt thiếu của ăn, bèn xua đuổi chàng đi. Nhân cơ hội, Mumble liền đi tìm nguyên nhân khan hiếm cá, nguồn thực phẩm chính yếu của cư dân tại đây.

Chàng khám phá thấy hàng đoàn tàu kéo lưới quanh biển Nam Cực, chất đầy ắp cá. Mumble âm thầm lặn theo tìm hiểu... Lúc tinh dậy, chàng sững sờ bị nhốt trong bể kiếng tại công viên hải dương học. Một ngày nọ, có một đứa bé vào tham quan, vỗ vào thành kiếng, Mumble chột tỉnh ngộ, vội nhún nhảy khiêu vũ đáp lại, làm mọi người xúm lại chiêm ngưỡng... Thế rồi Mumble được giải thoát ra biển cả, với một con chip theo dõi gắn trên mình, trở lại dẫn dắt 5 chiến hữu nhí quay về quê nhà.

Lần đầu tiên Mumble mới chinh phục được quê hương mình và vô hiệu hóa phán quyết bất công trước đây của bậc cao niên, đồng thời chuyển đến loài người hiểu kỳ một thông báo khẩn cấp cần được giúp đỡ. (Theo Happy Feet, giải Oscar 2007 phim hoạt hình xuất sắc)

Một nhân tố khác biệt, dám nghĩ khác, làm khác với tập thể, thường bị cô lập hóa bởi định kiến bất di dịch của cộng đoàn. Thái độ đó làm thui chột đi sự đổi mới, làm mất đi sự đa dạng của cộng đồng, biến tập thể thành một thành trì kiên cố, chống lại một cách khiên cưỡng sự bào mòn của thời gian, dẫn đến suy thoái như định mệnh.

Mumble bị loại khỏi tập thể, nhưng Mumble vẫn nặng lòng với cộng đoàn. Không vì đó kỳ và cố chấp của tập thể mà chàng quay lưng lại quê hương, Mumble với cái tâm trong sáng vô ngần, đã giải mã thành công sự đói kém của cộng đồng và tìm thấy lời giải đáp cho sự tồn vong của đồng loại.

**BomBo**

## Con Tim Vui Trở Lại.

Mẹ Têrêsa thường thấy Chúa nơi "kẻ nghèo nhất trong những kẻ nghèo". Hai lần trong đời, tôi đã là một trong những người nghèo đó.

Một lần làm kẻ hành khất, với ly cà phê đã cạn, ngồi trên tầng cấp các nhà thờ, chờ xin bạc cắc từ những người đi lễ Chúa nhật. Nhưng trước đó tôi đã chịu cảnh nghèo tinh thần khi tôi là một trong những kẻ nghèo nhất mà không biết Chính trong thời gian đen tối này mà tôi nhận được ân điển đầu tiên, không phải từ người qua đường tốt lành, mà chính từ Thiên Chúa.

Lần hội ngộ thứ nhất xảy ra trong kỳ nghỉ ở Âu châu mà tôi muốn thăm viếng lâu. Thủ đô Paris là chặng dừng chân đầu tiên. Tôi tới tham quan ngay Nhà Thờ Đức Bà. Tôi đến đó là khách du lịch chứ không phải là kẻ hành hương vì tôi đã mất Đức Tin ngay trong năm học lớp 12 tại một Trường Trung học Công giáo. Tôi thắc mắc về các chân lý mà tôi đã từng tin và xem nhà thờ là biểu tượng quyền bính cần phải chống lại. Cùng lúc với sự nổi loạn, tôi cảm thấy cô đơn, đau khổ và thất vọng. Vì thế khi tôi bước vào nhà thờ Đức Bà, tôi vẫn tìm kiếm, vẫn mang theo tâm trạng nặng nề đó.

Tôi thán phục công trình nghệ thuật và các cửa sổ kính màu xinh đẹp, khi bất thành linh tôi thấy Thánh lễ diễn ra trong một nhà nguyện bên hông nhà thờ. Khi chuông Truyền phép vang lên, Chúa đã mở tâm trí tôi. Một sự bùng tỉnh sung sướng trào dâng trong tôi. Chính thế! Đây là câu trả lời. Đây chính là điều tôi đã từng tìm kiếm! Tôi quỳ xuống với mọi người. Tôi nán lại trong nhà thờ một chốc, khóc vì vui sướng và rất ao ước được xưng tội. Vì không gặp được một linh mục nói tiếng Anh, tôi thể hiện lòng sám hối bằng cách tặng tiền bạc cho một sơ đứng xin giúp đỡ cuối nhà thờ. Đó là số tiền tôi dự liệu tiêu cho các buổi ăn tối, nhưng nó là gì khi sánh với ân lộc Chúa vừa ban cho tôi?

Tôi rời nhà thờ Đức Bà trong lòng vang vang một bài ca. Tôi đã lựa chọn và con đường tôi đi đã rõ ràng. Tôi trở lại với Giáo hội mà tôi đã từng yêu mến thiết tha khi còn nhỏ. Đây là một cuộc sống mới hoàn toàn. Khi về lại thành phố New York, tôi đi xung tội ngay.

Chỉ có Chúa mới biết những gì sẽ xảy ra trong tương lai. Cho tôi trở về với Ngài, Ngài chuẩn bị cho tôi đón nhận một thử thách chính khi tôi cần ngài hơn lúc nào hết.

Trong đêm tối. Một năm sau, khi mới 23 tuổi, tôi bị chứng tâm thần. Tôi phải làm việc ở nhà, làm phóng viên cho một tờ báo lớn địa phương. Dưới sức ép phải chu toàn công việc của hai người, tôi đã ngã quỵ trong phòng làm tin, trước mặt các bạn đồng nghiệp.

Nhưng vấn đề còn nghiêm trọng hơn sức ép do làm việc quá tải. Tôi không còn biết gì về thực tại chung quanh. Sau lần té thứ hai tại nhà cha mẹ, tôi được chở tới khu trị liệu tâm lý của một bệnh viện địa phương. Tại đây tôi được chẩn đoán là bị chứng tâm thần phân liệt hoang tưởng, một chứng bệnh về não bộ tạo nên ảo giác - lo sợ vẫn, vợ, thấy hoặc nghe những điều không có thực. Tôi không thể đếm được mình đã vào ra khu tâm thần bao nhiêu lần trong những năm sau đó. Con bệnh tiếp tục gây cho tôi nhiều vấn đề. Quảng năm năm sau khi bị ngã, tôi bỏ trốn khỏi nhà, để lại gia đình bị mất mát và lo sợ vì chẳng biết tôi ở đâu hay tôi còn sống hay đã chết. Cha mẹ, anh chị em chẳng biết đâu mà tìm. Họ thuê các nhà điều tra tư, còn cảnh sát thì tìm kiếm. Nhưng tôi nhất định biến mất.

Tôi dùng tiền để dành mua vé máy bay và bay một mạch tới Los Angeles. Ở đó tôi lang thang qua các phố phường, mà chẳng biết mình ở đâu và ngay cả mình là ai. Tôi đi từ nhà thờ này sang nhà thờ khác, ngồi xin trên các tầng cấp nhà thờ, kiếm thức ăn và xin giúp đỡ ở các nhà xứ và tu viện.

Nhưng có một cái gì đó lôi kéo tôi vào bên trong các thánh đường. Dầu tôi không còn biết tên tôi hay tôi đang bị bệnh tâm thần, tôi cũng đã nhớ được Chúa yêu thương tôi và ở cùng tôi. Tôi ngồi nhiều giờ trước Minh Thánh Chúa, chỉ để nói chuyện với Ngài. Tôi nói với Ngài là tôi yêu Ngài biết bao và hối hận biết bao về tội lỗi quá khứ của tôi. Tôi thầm thì "Cha hãy nhìn xem con đã làm gì cho Cha, vậy mà Cha vẫn ở lại đây với con. Tim con tan nát vì yêu".

Thật lạ lùng, tôi không nhớ có xin Chúa cứu chữa tôi trong cơn ngặt nghèo lúc đó. Dầu sao tôi biết rằng Ngài là Đấng đã gìn giữ tôi sống sót trên ngoài phố. Ngài là bạn đồng hành đã săn sóc tôi cách thận trọng. Bất cứ tôi đi đâu, Ngài cũng hiện diện với tôi.

Trở về nhà Một năm sau khi biệt tăm, tôi luân quần ở một trạm xe lửa đang khi đột nhiên số điện thoại của bà di hiện ra trong trí tôi. Cùng lúc tôi nghĩ phải gọi về nhà. Đây là lần đầu tiên tôi có ý nghĩ đó. Ngẫu nhiên tôi có mấy đồng các trong túi, tôi tới một trạm điện thoại công cộng, quay số và chờ người bà con gọi trở lại. Khi người bà con tôi trả lời, tôi nhớ ra mình là ai: "Debbie, Mary Ann đây?". Tôi cho cô biết tôi gọi từ số nào rồi cúp máy. Vài phút sau điện thoại reo. Chính là cha tôi. "Con tới phi trường, lên máy bay về nhà", cha tôi nói, "ba sẽ gửi tiền cho con ngay".

May mà bệnh tôi đã giảm khá nên tôi có thể làm theo ý cha tôi. Tôi nhận tiền, dùng bằng lái xe mà cả năm nay không ngó ngang đến và sửa soạn một chút. Không hoàn toàn nhớ mình đi đâu, tôi bay đi Washington, DC, rồi tới Newark. Và Chúa vẫn theo dõi tôi. Khi tới phi trường Newark, tôi bắt gặp cậu tôi vừa xuống khỏi phi cơ. Ông đưa tôi về nhà ông; và sang hôm sau, vợ tôi chở về nhà ba mẹ tôi đã trút khỏi gánh lo.

Sau cùng tôi trở lại khu bệnh tâm thần để chữa bệnh cho lành, mà lần này mọi chuyện diễn tiến tốt đẹp. Sắc

đen biến mất và tôi cũng không còn muốn chạy trốn nữa Dần dà nhờ thuốc men, tôi bắt đầu sinh hoạt bình thường trở lại. Tôi dọn ra căn nhà của tôi, rồi lại trở về sống với mẹ tôi sau khi ba tôi qua đời. Khi bà vương bệnh ung thư, tôi đã cùng với đứa em gái săn sóc bà.

Nhờ ơn Chúa, tôi đã qua khỏi những thử thách, bệnh tật. Tôi đã nhận ra mục đích của đời sống, đó là yêu Chúa và sống trọn vẹn cho Ngài. Tôi nhập Dòng Ba Đa Minh, lấy tên là St. Therese Margaret. Tôi cũng là hội viên của Hội Công Nhân Chịu Đau Khổ của Mẹ Têrêxa, tận hiến để cầu nguyện cho Các Nhà Truyền Giáo Dòng Bác Ái của Mẹ.

Chúa ban ơn rộng rãi. Kinh nghiệm làm người nghèo nhất trong các người nghèo đã thay đổi tôi. Bây giờ tôi biết Chúa ở gần. Khi tôi nhìn lại những sáng Chúa nhật, ngồi xin của bố thí, tưởng như tôi có thể thấy Chúa ngồi đó, trên tầng cấp cạnh tôi. Mẹ Têrêxa thật có lý khi nói Chúa thực sự hiện diện trong kẻ nghèo nhất trong các kẻ nghèo - do đó tại sao tôi luôn nhắc cho mọi người đừng bao giờ làm ngơ trước một người hành khất mà không cho họ chút gì.

Chúa luôn luôn ban ân huệ cho chúng ta. Ngài đến với chúng ta bằng nhiều cách thể nhiệm màu và đặc biệt và cả trong những biến cố và khó khăn hàng ngày. Ngài tỏ mình cho những ai đắm chìm trong kinh nguyện trước Thánh Thể và cũng quan tâm đến khách du lịch chẳng để ý gì đến Ngài bao nhiêu.

Từ trời cao Chúa cúi mình xuống, lau khô nước mắt của người hành khất, kẻ nổi loạn và tội nhân sám hối lo sợ đó, nhưng thị không biết hướng nào mà đi. Đối với tất cả mỗi người chúng ta, Chúa đều ban ơn. Và khi chúng ta gặp Ngài mà đón nhận ân điển của Ngài, chúng ta sẽ thành con người mới.

**Nguyễn Minh Thế, dịch**

## Nhà bác học Einstein HỎI TIẾC VỀ MỘT SAI LÀM

Nhà bác học Einstein :Cha đẻ của nguyên tử lực” là một người Đức gốc Do thái, vì không phục chế độ quân phiệt của nước Phổ, nên ông bỏ nước Đức, xin gia nhập quốc tịch Thụy sĩ.

Sống ở dưới chế độ độc tài của Hitler, ông không chịu nổi. Năm 1933 ông trốn khỏi nước Đức vì ông là người Do thái. Chính quyền Đức trao giải thưởng 20.000 mác Đức cho ai bắt được ông. Einstein qua Pháp dạy học, rồi đi Bỉ, đi Anh, cuối cùng qua Mỹ làm Giám đốc nghiên cứu tại Đại học đường Princeton. Năm 1939, Einstein trình lên Tổng thống Mỹ Roosevet, dự án chế tạo bom nguyên tử và khuyên Tổng thống nên bắt tay vào ngay, kéo nước Đức chế tạo trước thì cả thế giới sẽ bị tiêu diệt.

Năm 1941 ông nhập quốc tịch Mỹ, dự án chế tạo bom nguyên tử đã tiến hành và thành công. Năm 1945, sau khi hai quả bom nguyên tử nổ tại Hyrosima và Nagasaky, khiến hàng trăm ngàn người chết, Einstein lo sợ rồi đây các nước sẽ dùng nguyên tử lực vào chiến tranh để hủy diệt nhân loại. Ông xin từ chức Giám đốc viện ở nghiên cứu Đại học đường Princeton.

Sau đó ông tuyên bố rằng: “Nếu tôi có thể làm lại cuộc đời, thì tôi sẽ làm một anh thợ hàn còn hơn làm một nhà Khoa học.”

\* Một phút hồi tâm: Có những việc thoát đầu ta cứ tưởng như là bổ ích; nhưng cuối cùng lại là một điều tai hại. Trong đời ta có biết


bao lần như thế, nếu cứ ngồi đó mà âu sầu than tiếc, liệu có được ích gì? Hãy xin Chúa giúp bạn biến đổi những nỗi buồn thành niềm vui để khỏi mất lòng trông cậy. Vì ai cũng có lỗi lầm, cần vươn lên !

Khi bạn được may mắn sống đời tự do này, nếu không nuôi dưỡng tâm linh, làm nhiều việc lành thì bạn đã vô tình làm hại chính mình, là chuyện điên rồ nhất đời. Hãy chiến thắng với kẻ thù buồn phiền ở trong bạn, để dễ dàng đến gần Chúa, vì Chúa là nguồn vui.

\* Lời Chúa tôi ghi nhớ: “Nay tôi lại vui mừng, không phải vì đã làm cho anh em phải ưu phiền; nhưng vì nỗi ưu phiền đó đã làm cho anh em hồi cải...” (2 Corintô 7,9-10)

Nguyễn Văn Định

\*

Cười ! 

## TRÊN THIÊN ĐÀNG GỌI NHAU LÀ GÌ?

Một hôm, cha xứ tới nhà dùng cơm và hỏi bé:

- Con biết trên thiên đàng người ta gọi nhau bằng gì không?

Bé đáp tỉnh bơ:

- Thưa cha, bằng em...

Cha xứ lấy làm ngạc nhiên:

- Sao con lại trả lời như thế?

Bé:

- Tôi hôm qua, con nghe ba con nói chuyện trên phôn rằng, em là thiên

đàng của anh.  
Cha xứ: !!!???....

## IN LỄ CƯỚI

Sau khi cha làm lễ cưới xong, chú rể hỏi:

- Thưa cha, làm lễ cưới bao nhiêu tiền.

Cha trả lời:

- Tiền lễ thì tùy ở cô dâu đẹp hay xấu. Đẹp thì \$10 đồng, xấu thì \$5 đồng.

Chú rể liền móc túi \$10 đồng đưa cho cha, cảm ơn và bước đi. Cha liền gọi chú rể:

- Khoan đã, con chờ cha một chút đã.

Chú rể ngạc nhiên quay lại chưa kịp hỏi thì cha lại nói tiếp:

- Chờ cha lấy tiền thối lại cho con \$5 đồng.

Chú rể há to miệng: ???!!!!

## HÔN NHÂN ƠI HỖI

Bé nghe tiếng cãi nhau ầm ĩ trong phòng ba mẹ. Bé vội cầm điện thoại gọi báo cho ngoại:

- Ngoại đó hả, ngoại ơi con muốn chết đi cho rồi. Ba mẹ con lại cãi nhau to lắm.

Ông ngoại ở đầu dây bên kia khuyên nhủ:

- Ấy, đừng có như thế. Chuyện vợ chồng cãi nhau là chuyện thường cháu ạ.

Bé giải thích:

- Nhưng chuyện ba mẹ con cãi nhau khác người ta lắm ngoại ạ.

Ông ngoại thắc mắc:

- Khác là sao hả con?

Bé nói tiếp:

- Khác ở chỗ là khi cãi nhau con chỉ nghe tiếng mẹ la thôi, còn ba con thì không dám nói tiếng gì ngoại ạ.

Ông ngoại an ủi cháu:

- Cháu ơi, đúng là họ bên ngoại bị đi truyền rồi.

Bé: ???!!!!....



# Làm Chồng! *(Chuyện phim của Gã Siba)*

**Ở** i giờ ơi là giờ!  
Tại sao trên cõi đời này, người ta lại bỏ ra nhiều công sức, nhiều thời gian, nhiều bút giấy để mà ca tụng phe đờn bà con gái đến thế? Cánh đờn ông con gái thấy vậy mà phát thèm. Có nằm mơ cũng chẳng bao giờ có được.  
Và hầu hết kẻ đao to búa lớn, phùng má trợn mắt lên để ca tụng lại thuộc giới mày râu, tu mi nam tử hấn hoi. Thế mới đau. Phe mình không khen, cứ nhè phe địch mà khen.  
Vào những ngày như ngày quốc tế phụ nữ, ngày tình yêu, ngày hiến mẫu....là các thứ thơ văn được tuôn ra rông rỗng để bốc thơm và nâng phe địch lên đến tận trời cao, mà đại biểu nặng ký nhất chính là các chị vợ.

Gã xin ghi lại nơi đây một bài tượng trưng cho khuynh hướng bốc thơm ấy. Rất tiếc là gã đã quên mất tên tác giả rồi.

Vợ là hơi ấm bếp lò  
Vợ là nhường nhịn so đo làm gì  
Vợ là giám khảo trường thi  
Mỗi khi về muộn, mỗi khi xa nhà  
Vợ là trưởng ban giải hoà  
Giữa hai thái cực cha và các con  
Vợ là com ngọt canh ngon  
Vợ là mái ấm khi còn hàn vi  
Vợ là sóng gió bất kỳ  
Khi dữ như cọp, khi thì như nai  
Vợ là hơi ấm ban mai  
Vợ là nửa mảnh thứ hai phải tìm  
Vợ là máu chảy về tim  
Vợ là rượu ngọt môi tìm về môi

Vợ là gió mát khí trời  
Vợ là san sẻ đầy vui nỗi buồn  
Vợ giận ngao ngán tâm hồn  
Vợ cười nắng lại gặp cơn mưa rào  
Vợ khen sung sướng làm sao  
Vợ ghen su tử vái chào chạy xa  
Vợ là bài hát dân ca  
Vợ là sóng gió đầy nhà bão giông  
Vợ là nhờ đó lên ông  
Vợ là hoàng đế mất không cơ đồ  
Vợ là phẳng lặng mặt hồ



Vợ là con sóng vỗ bờ đại dương  
Vợ là thời tiết thất thường  
Vợ mà nổi giận đầu hàng xin tha  
Nếu như không có đàn bà  
Lấy ai hát bản trường ca giống nòi?

Đọc xong bài này hẳn các bà các cô lấy làm mát lòng mát ruột, hả dạ lắm lắm.

Lỡ sinh vào kiếp đàn ông con gái, khi để tuổi trưởng thành, thì như người đứng trước ngã ba đường. Một ngã là đi lấy vợ. Hai là ở vậy độc thân.

Con đường ở vậy độc thân được dành cho bậc tu trì, hiền dâng đời mình cho Thượng Đế hay hiền dâng đời mình cho một lý tưởng

cao đẹp nào đó. Tuy nhiên, đây lại là con đường hẹp, ít người bước vào. hiện nay con số những người đi tu nhiều nơi đã bị giám sát thâm, tạo nên một khủng hoảng lớn cho các tôn giáo.

Còn phần đông bàn dân thiên hạ đều đi vào con đường lập gia đình. Nói một cách cụ thể đôi với cánh đàn ông con gái, đó là đi lấy vợ. Thế nhưng, trước khi quyết định đi lấy vợ, thì cần phải nhìn cho rõ vợ là gì, đồng thời cũng cần phải cân nhắc những "hệ lụy" do việc lấy vợ đem lại cho bản thân mình.

Vậy trước hết vợ là gì ???

Gã xin thưa vợ chính là người đờn bà và người đờn bà này đã được một tác giả minh họa như sau:

Đờn bà thật giống con gà!  
Chỉ ăn với đẻ càng già càng đông

Đờn bà thật giống con công!  
Mắt xanh mỏ đỏ xoè lông cả ngày.

Đờn bà thật giống con cày!  
Nhe nanh múa vuốt nhướn mày mắt him

Đờn bà thật giống con chim!  
Nay đây mai đó biết tìm ở đâu?  
Đờn bà thật giống con trâu!  
Nhai rồi nhai lại, giận lâu, lắm lời.

Đờn bà thật giống con dơi!  
Không trông bằng mắt nhìn đời bằng tai.

Đờn bà thật giống con nai!  
Nhác trông ngơ ngác, nhưng tài thả câu.

Đờn bà thật giống con sâu!  
Ăn tàn phá hại chẳng sâu chẳng vương.

Đờn bà mưa nắng thất thường,

Mà sao ta lại cứ thương đàn bà.

Cái rắc rối là chỗ đó. Mặc dù ta đã biết đàn bà là như rứa, thế mà ta lại vẫn cứ thương đàn bà. Thành thử ta như con thiêu thân lao mình vào lửa, ta bỗng chui đầu vào rọ, tự nộp mình làm thân trâu ngựa.

Vậy thì việc lấy vợ mang lại những hệ lụy nào?

Trong một bài viết ngắn trên báo Phụ nữ Chủ Nhật, số ra ngày 5 tháng 3 2006, tác giả Trọng Giáp đã tham khảo đúng 100 quý anh đang sống trong cảnh "cá chậu chim lồng". Qui anh này đã nói về vợ bằng chính kinh nghiệm xương máu của mình và rút ra từ đó những kết luận cụ thể. gã xin dựa vào những kết luận cụ thể ấy để bàn rộng tán dài hơn một chút.

Trong một trăm anh chồng, thì có hai mươi năm anh cho vợ là...kế toán viên xuất sắc, dù họ không qua một trường lớp đào tạo nào cả, bởi vì lương tháng ta lãnh "bi" nhiều, nộp lại cho vợ là sài hết "bí" nhiều, trong bóp ta còn "bi" nhiều, vợ đều biết hết.

Trước hết, chị vợ nào cũng có bộ nhớ trên cả tuyệt vời, bao nhiêu chi tiêu của anh chồng đều được lưu giữ, chẳng hề sai trật một đồng xu bạc cắc nào cả. Thử xem chị ta tính toán như thế nào nhé:

*Tiền lương mau hết quá đi,  
Anh tiêu những gì? em tính không ra!  
Để xem ...sắm sắm trong nhà,  
Bánh trà thuốc lá với cà phê ngon.  
Nào là rượu thuốc bia ngon,  
Đủ tiêu chuẩn ấy lo tròn cho anh.  
Trong nhà sẵn món ngon lành,  
Sao anh còn khoản tiêu nhanh ngoài luồng.  
(Linh Cơ)*

*Tiếp đến, chị vợ còn là thứ ngân hàng đặc biệt, chỉ biết đầu vào mà chẳng biết đầu ra.*

*Thu vào thì vui vẻ, bao nhiêu cũng nhận. Còn phát ra thì bủ xin, xén so từng đồng. Khi tới ngày lãnh lương, vợ tìm cách bóc lột bằng mọi thủ đoạn, kể cả mỹ nhân kế, khiến anh chồng khổ sở than rằng:*



*Cuối tháng tôi mới lãnh lương,  
Vợ tôi bỗng chốc dễ thương vô cùng.  
Về tới nhà bà ôm hun,  
Bà nói lòng bà nhớ nhung quá trời,  
Xong rồi bà mới mở lời:  
Tiền lương cuối tháng em coi xem nào.  
Dứt lời, túi trước túi sau,  
Haib tay bà móc túi đau đốn lòng.  
Chỉ vài ba phút là xong,  
Tiền trong tay bà, tui không còn gì.  
Thế rồi bà cất bước đi,  
Nét duyên khi nãy còn gì nữa đâu.  
Tháng qua hai chín ngày sầu,  
Ngày vui duy nhất, trôi mau quá trời.*

(Trần Thành nghĩa)

Ngoài ra các chị vợ còn mắc phải chứng bệnh than, nào là thời buổi gạo châu củi quế, nào là vật giá

leo thang, nào là gạo đường tăng lên vùn vụt...

*Anh ạ, bình ga đã hết rồi,  
Cộng dồn hai cái trà gấp đôi!  
Đây nữa, nhà đèn đưa giấy báo,  
Hẹn ông cuối tuần phải đóng thôi.  
Còn cái "a-lô" nữa anh à,  
Chuyện này không hoãn được đâu nha,  
"Àu ơ lơ ngo là họ cắt,  
Hoá đơn em nhận mới chiều qua.*

Và thế là chồng bèn phải bắt đấng dĩ điều chỉnh những chi phí của mình sao cho hợp với hoàn cảnh:

*Từ nay anh sẽ cứ kiêng  
Bớt phần giao tiếp liên miên gọi mời.  
Để em khỏi phải than ôi,  
Nâng khăn sửa túi, thùng rồi lại lo.  
(Linh Cơ)*

Trong một trăm anh chồng, thì có hai mươi ba anh ca cẩm rằng, họ đã lấy phải những bà vợ mang dòng họ "So"! Bởi vì các chị vợ chỉ chăm lo, liếc trộm qua nhà hàng xóm, rồi so sánh, so bì chi chiết nặng nhẹ nọ kia. Nếu hàng xóm có chiếc xe gắn máy rồi, mà mình vẫn cứ phải lọc cọc với chiếc xe đạp.

Hội chứng so sánh này còn được gọi là hội chứng "đứng núi này trông núi nọ", được voi vò tiên, chẳng bao giờ biết bằng lòng với số phận của mình:

Chồng người ta thì thế "lọ" thế kia, còn anh thì cứ thế "lày" thế "lày" nghĩa "nà nàm thao"?

Cái điệp khúc trên được rả rả suốt cả ngày và được rừ rừ suốt cả đêm, đến độ quý thần cũng không chịu nổi, huống nọ là anh chồng. Ấy là chưa nói tới cái danh dự, cái tự ái

to bằng cái rế của anh chồng bị xúc phạm nặng nề, vì dù sao mình cũng là thằng đờn ông kia mà.

Trong một trăm anh chồng, thì có hai mươi hai anh lại ví vợ như sư tử Hà Đông, bởi vì mỗi khi các chiến hữu muốn rủ anh ta đi nhậu, thì cứ phải thậm thà, thậm thụt, nhìn trước nhìn sau, chứ nếu để sư tử nhà biết được, thì có mà tan nát cuộc đời.

Nơi gã mở mắt chào đời là cái làng thuộc huyện Mỹ Đức, tỉnh Hà Đông. Vì thế, ngày xưa cứ mỗi lần thò tấm giấy khai sinh, hay giờ lý lịch cá nhân ra, mấy thằng bạn trời đánh thánh vật không chết, bao giờ cũng hỏi móc lỏ gã một câu:

- Ờ, mày sinh ra ở Hà Đông, thì chắc chắn má mày phải dữ tợn và chị mày phải bạo lực lắm. Đúng vậy không?

Gã bèn lớn tiếng thanh minh thanh nga rằng:

- Các bà các cô ở Hà Đông bên Tàu mới hung dữ, chứ còn các bà các cô ở Hà Đông bên ta thì hiền khô à. Suốt ngày chỉ biết ngồi dẹt lụ cho bàn dân thiên hạ làm đóm làm dáng. Bộ chúng mày không biết tới áo lụ Hà Đông à. Quê tao đó.

Cho dù gã có dài cổ ra mà phân bua, và đã nói văng cả nước miếng, thì chúng nó vẫn cười khẩy. Thế mới đều không cơ chứ.

Theo điển tích thì cụm từ "sư tử Hà Đông" được dùng để chỉ người vợ có tính hung dữ.

Nếu tại các khu rừng rậm thuộc châu Á, cọp là vua của loài thú, thì ở châu Âu, sư tử là chúa sơn lâm. Khi nghe sư tử rống lên, các loài thú khác đều hoảng sợ, cụp đuôi chạy trốn mất.

Trần Quý Thường là bạn của thi hào Tô Đông Pha. Ông ta có một bà vợ nổi tiếng là hay ghen và hung dữ. Mỗi lần Tô Đông Pha đến chơi, đều nghe tiếng bà ta la hét âm ỉ. Thấy vậy, họ Tô mới làm một bài thơ cảm cảnh mà chế diễu ông bạn có người vợ hung dữ như sau:

Thùy tự Long Khâu cư sĩ hiền,  
Đàm không thuyết pháp dạ bất miên.

Hốt văn Hà Đông sư tử hồng,  
Trụ tượng lạc thủ tâm mang mang.

Có nghĩa là:

Ai hiền hơn cư sĩ Long Khâu,  
Đọc kinh giảng đạo suốt canh đầu.

Bỗng nghe sư tử Hà Đông rống,  
Tay run gậy rớt lòng hoang mang.

Những chị vợ hung dữ như sư tử Hà Đông bên Tàu, thì quả là hiếm hoi, nhưng không phải là không có. Bởi vì trên đời này, đôi khi cũng vẫn xảy ra cảnh "gà mái đá gà cồ".

Chẳng tin thì xin nghe thử tâm sự của người "mặt sẹo" như sau:

*Nắng Sài Gòn anh đi mà lạnh ngắt,*

*Bởi vì em như sư tử Hà Đông.*

*Anh vẫn sợ hãi mãi mãi vô cùng,*

*Trên mặt anh vẫn còn vết sẹo đỏ.*

*Anh vẫn nhớ em ngồi đầu quát đấy,*

*Cầm khúc cây dài lăm chỉ đe anh.*

*Anh kinh hồn vội vã lé lung tung,*

*Chờ sơ hở phóng ra đường rồi dõng tuốt.*

*Gặp một bữa anh đã rầu một bữa,*

*Gặp hai hôm rầu rĩ cả tâm hồn.*

*Bao lâu rồi ăn uống chẳng thấy ngon.*

*Và đôi mắt mơ màng đau buồn tím.*

*Em chưa hét đã vang lừng khắp xóm,*

*Em chưa găm mà đã động cả rừng xanh.*

*Bao lần anh toan tính muốn làm hòa,*

*Lòng run sợ làm sao anh dám nói...*

*Lúc em đánh em chỉ nhìn em lăm lét,  
Giận điên lên, nhưng nói chẳng nên lời.*

*Em đi rồi, ôi! khoái trá sướng mê tơi,  
Nhưng ngày tháng cuộc đời anh bầm dập.*

*Em ở đâu bên này hay bên đó,*

*Hỡi người em như sư tử Hà Đông.*

*Anh vẫn run vì khiếp hãi vô cùng,*

*Xin gửi em bài thơ tình sẹo chém.*

(Hội râu quặp, Sao Mai)

Trong một trăm anh chồng, thì có mười chín anh đề bạt vợ giữ chân kiểm sát viên, bởi vì mọi chuyện trên trời dưới đất, từ ngong ngách bờ ao góc chuối cho tới chân trời góc bể, chỗ nào vợ cũng biết và còn biết nhiều hơn sự thật do sự ngồi lê đôi mách bằng phone cả giờ đồng hồ với hết người này tới người kia, nói chuyện của người này, người nọ chả biết ngược. Nói chuyện người chán rồi quay qua nói chuyện về chồng con. Mọi tiền án, tiền sự liên quan tới chuyện lằng nhằng "chim chuột" của chồng đều được chị vợ đưa vào hồ sơ tội trạng và thường xuyên được lôi ra truy tố cho đến lúc lia đời mới thôi.

Đây chỉ là chuyện rất bình thường, không có chi là khó hiểu. Thực vậy, phe đờn bà con gái sống bằng trái tim. Đối với họ, tình yêu là tất cả và chi phối mọi sinh hoạt. Vì thế, những lỗi phạm tới tình yêu trở nên như một vết chém, không bao giờ nguôi ngoai trong cõi lòng họ.

Tình yêu của họ giống như bát nước đầy, một khi đã bị hắt xuống đất, thì không thể nào hốt lên được. Bởi đó, anh chồng đừng to tưởng vung vít. Một khi đã bị lưu vào hồ sơ tội trạng, thì chẳng thể nào bôi xóa hết.

Sau cùng, trong một trăm anh chồng, thì có mười một anh cho rằng vợ là siêu cường quốc, mà hề mỗi khi một nước nhỏ bé lỡ bắt tuân thượng lệnh, y như rằng họ sẽ tiến hành biện pháp...cấm vận ngay lập tức.

Trong lãnh vực chính trị chính em, các nước mạnh thường áp dụng biện pháp cấm vận đối với các nước khác, khi nước này không chịu vâng theo đường lối, chính sách của họ. lúc bấy giờ, những nước mạnh sẽ đập tai ngoảnh mặt làm ngơ, chẳng đoái hoài hay đếm xỉa gì đến những nhu cầu của những nước bị liệt vào hàng cứng đầu cứng cổ ấy: không trao đổi, không buôn bán, không viện trợ, không liên hệ...

Trong phạm vi vợ chồng cũng vậy. Khi anh chồng làm điều gì sai trái, thì lập tức chị vợ liền sử dụng biện pháp cấm vận, như một thứ vũ khí lợi hại để cho anh chồng biết thế nào là sức mạnh của đòn bà con gái, cũng như để dạy cho anh chồng một bài học nhớ đời.

Sự cấm vận ở đây được hiểu là: không nhìn, không nghe, không nói. Nếu gia đình khá giả thì phòng ai người ấy ở, giường ai người ấy nằm. Còn nếu không có điều kiện, thì vẫn nằm chung giường, nhưng mềm ai người ấy đắp, làm thành một bức tường vô hình ngăn cách, khiến anh chồng ở vào cái thế việt vị, bất nhúc nhách.

Một anh chồng bị cấm vận đã tâm sự như sau: "Cứ ba bữa, nửa tháng, cô ấy lại quay mặt vào vách một lần vì về trễ, vì không cùng đi dự sinh nhật, vì không giữ lời hứa... Khi tôi thanh minh, giải thích những sơ sót của mình, thay

vì thông cảm, thì cô ấy lại vênh váo tuyên bố: không nghe lời, thì ráng mà chịu thôi. Thôi, mềm ai nấy đắp, đừng chung đụng gì với nhau nữa" (Phụ Nữ 12-2- 2006)

Tuy nhiên, phải công bằng mà nói, chính nhờ những hệ lụy trên mà nhiều anh chồng đã trở nên tốt lành hơn. Chẳng thế mà đối với những cậu con trai ba đứa, các cụ ta ngày xưa đã khuyên:

- Cứ lấy cho nó con vợ là xong tuốt. Chỉ có vợ nó mới trị nó được mà thôi.

Có những anh chàng trước kia ngang tàng, thì nay đã trở thành những anh chồng ngoan hiền, mềm nhũn như con chi chi:

*Hầu con từ thuở còn thơ,  
Hầu vợ đến thuở bạc phơ mái đầu.  
Muốn cho vợ khỏi cầu nhau,  
Bếp dọn sạch bếp, nhà lau sạch nhà.  
Sinh nhật phải nhớ tặng quà,  
Nấu ăn ngày 8 tháng 3 khỏi bàn.  
Vợ ngủ thì phải buông màn,  
Ngày hè quạt mát, đông sang đắp mềm.  
Vợ giận thì phải cười duyên,  
Vợ vui mới được huyền thuyên hát hò.  
Đêm nằm vợ ngáy o o,  
"Minh cứ thoải mái ngáy cho vui nhà".  
Đi chợ vợ thích ăn quà,  
"Minh xoi cho đã về nhà đỡ cơm"  
Chờ vợ thì lái cho ngon.  
Mắt luôn nhìn thẳng chớ dòm ngó ngang.  
(Minh Thu)*

Để kết luận, gã ghi nhận hầu như tất tât "một chăm phần chăm" các anh chồng đề thờ tay ký vào bản "Tuyên ngôn nam quyền" rất oách như sau:

"Mọi tên đờn ông con giai sinh ra trên cõi đời này đều được hưởng những quyền lợi và bình đẳng nhun nhau. Nhưng rồi một số tên đã phản phé mà đi...lấy vợ .



## Làm lành

Thương nhau lắm cắn nhau đau. Hai vợ chồng kia cũng không ngoài quy luật ấy.

Lúc chiều, hai vợ chồng cãi nhau cả giờ đồng hồ, bắt phân thắng bại. Tối đi ngủ, anh chồng làm lành:

- Xin lỗi em nhé, anh đã nghĩ lại rồi.
- Ồ không, em cũng đang định xin lỗi anh.
- Em không có lỗi, có lẽ anh hơi nóng tính.
- Do em ! Em nói rồi, mọi chuyện đều do em cả.
- Anh đã bảo là tại anh cơ mà!
- Ồ ! Tại sao anh cố chấp nhỉ ?
- Đèo....!!!! Cô có cấm ngay cái mồm đi không ??? dám nói ông cố chấp hả ???

## Niềm Tin

Sắp phải trải qua một ca phẫu thuật khá nặng nên lúc bước lên bàn mổ, bệnh nhân rất lo lắng. Khi tiến hành gây mê, bác sĩ trấn an anh ta:

- Anh đừng lo, tất cả rồi sẽ ổn thôi. Anh có nhìn thấy bộ râu tôi không? Khi thức dậy, anh sẽ thấy tôi vẫn ở bên anh với bộ râu này.

Bệnh nhân bắt đầu ngấm thuốc mê, bộ râu của bác sĩ nhòe dần và đi vào giấc ngủ. Khi mơ màng tỉnh lại, quả nhiên người bệnh nhì thấy người có bộ râu. Nhớ lại lời bác sĩ đã nói, anh cảm động cầm lấy bàn tay ông ta:

- Ôi ! Ông bác sĩ có chòm râu phúc hậu, cảm ơn ông đã đem lại niềm tin cho tôi.
- Thôi nào, con hãy bình tĩnh lại, mọi chuyện đã qua rồi. Ta là thánh Phêrô ! râu còn nhiều hơn ông bác sĩ kia! .



# ĐỨC TIN CỦA BẠC ÔNG BÀ CHA MẸ

**Ô**ng Emmanuel Gerbier là nông dân lập gia đình và có 3 người con. Ông sống nơi nông trại ở Champagne Berrichonne (Trung Bắc Pháp). Trước đó, ông là giáo sư nơi Trung Tâm Giới Trẻ ở Loire-Atlantique. Sau đây là chứng từ Đức Tin của ông.

Tôi thừa hưởng một phần Đức Tin của ông bà cha mẹ. Nói thế có nghĩa là tôi lớn lên trong khung cảnh gia đình Công Giáo đạo đức. Tôi nghĩ về thân phụ tôi, người luôn nêu cao cho chúng tôi thấy hình ảnh một Đấng THIÊN CHÚA Nhân Lành, ưu ái. Tôi nhớ đến Bà Nội, mỗi ngày đi bộ đến nhà thờ tham dự Thánh Lễ và cầu nguyện cho con cháu. Nơi gia đình chúng tôi, THIÊN CHÚA luôn luôn hiện diện, một sự hiện diện gần gũi và thân tình.

Lớn lên, mối quan hệ của tôi với THIÊN CHÚA trở nên riêng tư và thắm thiết hơn, nhờ kinh nghiệm gặp gỡ với các bậc cha bậc thầy đáng kính. Chẳng hạn, vào thời kỳ ở bậc trung học, tôi hân hạnh quen biết hai Linh Mục giáo sư Godefroy và Broers nơi trường Léon 13 ở Châteauroux. Rồi tôi có dịp tiếp xúc với các nữ tu Ursulines tại trường nông nghiệp Thánh Cyran ở Jambot. Tiếp đến, tôi có liên hệ với Cha Jean-Paul Duplat, Linh Mục tuyên úy các sinh viên ở Puy-en-Velay. Đó là những bậc thầy, các vị Linh Mục và nữ tu, ghi đậm Đức Tin nơi cuộc đời xuân trẻ của tôi.

Và nhất là, chính các ngài biết nêu vấn đề, cổ động lòng hăng say và khuyến khích nhiệt tình của tuổi trẻ. Do đó, tôi suy tư và quyết định dần thân trong phong trào Kitô-Hữu Đồng Quê. Đặc biệt, trong thời kỳ chuẩn bị hôn nhân, cùng với các đôi bạn trẻ khác và với Sylvie - người bạn đường tương lai - tôi đào sâu cuộc sống Đức Tin của mình. Từ đó tôi không ngừng khám phá ra:

- Đức Tin không phải chỉ là hồng ân nhận lãnh mà còn phải trao ban và trở thành trách nhiệm nữa!

Sau khi lập gia đình và trong vòng 6 năm làm nghề giáo, tôi lại có dịp thực thi Đức Tin khi trao đổi với giới trẻ và lúc chạm trán với thực tế cuộc đời.

Đối với tôi, điều chính yếu trong Đức Tin là mối liên hệ với THIÊN CHÚA tạo thành bởi hai chiều. Cuộc đời con người được ghi trong cuốn sổ mà THIÊN CHÚA muốn xây dựng cho con người. Đức Tin tôi đặt nơi THIÊN CHÚA Toàn Năng khiến tôi trở thành người chịu trách nhiệm về mọi hành vi và chọn lựa của tôi. Cuộc sống Đức Tin là câu chuyện tình yêu, là mối quan hệ giữa hai người. THIÊN CHÚA xây dựng thế giới mỗi ngày với con người.

... Chứng từ Đức Tin thứ hai của bà Marie-Christine Lux, người Pháp. Sau khi lập gia đình và hành nghề y tá một thời gian, bà quyết định nghỉ việc để ở nhà chăm sóc dưỡng dục đàn con cho chu đáo. Bà trình bày.

Tin nơi THIÊN CHÚA - Đấng là Tình Yêu - là trạng thái tinh thần. Trước tiên tôi cảm thấy hạnh phúc vì được yêu và làm cho người khác hạnh phúc. Khi con người hạnh

phúc thì dễ dàng cởi mở và chấp nhận người khác. Riêng tôi, niềm hạnh phúc của các con tôi cũng là hạnh phúc của tôi. Khi ước muốn của chúng trái nghịch với ước muốn của tôi, tôi liền dành thời giờ để nghe chúng giải bày.

Tin nơi THIÊN CHÚA cũng có nghĩa là tin nơi con người, đi đến với người khác mà không mong chờ được đền ơn đáp trả. Người có Đức Tin còn là người có tấm lòng quảng đại, không ích kỷ, hạn hẹp và nhỏ nhen. Lòng quảng đại đến từ con tim. Nó là một quyết định, một ý chí cá nhân.

Người có Đức Tin là người biết lắng nghe người khác, tuy vẫn trung thực với chính mình và dám nói thẳng cũng như dám can đảm bênh vực chân lý, khi cần thiết. Tóm lại, tôi xin mượn lời thánh Giacôbê tông đồ:

- Ai bảo rằng mình có Đức Tin mà không hành động theo Đức Tin, thì nào có ích lợi gì? (2,14-18).

Câu nói ngụ ý:

- Chính bằng cuộc sống mà tôi tỏ bày Đức Tin của tôi.

Hay như đại văn hào Blaise Pascal (1623-1662) nói:

- Phải đặt Đức Tin trong tình cảm. Nếu không nó sẽ lung lay và tàn lụi!

("Annales d'Issoudun",  
Février/2001, trang 8-9).

Sr. Jean Berchmans Minh Nguyệt



# Vài Nét Lịch Sử Thời

# Kỷ Sơ Khai Của

# Làng Thứ Hóa

**T**hời kỳ lập làng (1828 – 1845) Thứ Hóa nằm trong 14

ấp, trại vùng ven sông Sò, thuộc Tổng Hoàn Thu được thành lập thời Minh Mệnh (1820-1841) con vua Gia Long. Nguyễn Ánh hiệu Gia Long nhờ sự trợ giúp của phương tây lấy lại ngôi vua năm 1802. Năm 1820 Gia Long băng hà. Trong 18 năm trị vì, đất nước yên bình, thịnh vượng, mở mang mọi mặt trong đó chú ý để khai hoang lập làng mở rộng diện tích nông nghiệp. Trong tài liệu nghiên cứu lịch sử có ghi: “Thế kỷ XIX. Nhiều công trình khai hoang xuất hiện ở vùng hạ châu thổ sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long (1) trong cả hai thời kỳ trên thì những công trình khai hoang do triều đình tổ chức là to lớn và hoàn thành nhanh chóng. Ở đồng bằng sông Cửu Long, triều đình đã huy động hàng vạn binh lính và dân phu dưới sự chỉ đạo của Thoại Ngọc Hầu Nguyễn Văn Thoại đào kênh Thoại Hà, Vĩnh Tế, khai thác vùng tứ giác Long Xuyên (sau này là địa phận của người Thứ Hóa di cư 54 tới ở). Ở ven biển Bắc Bộ, Nguyễn Công Trứ tổ chức hai huyện Tiên Hải, Kim Sơn và hai Tổng Hoàn Thu, Ninh nhất. Ở hai đầu đất nước đều đạt thành tựu rực rỡ. Do đất nước mở rộng, kinh tế nông nghiệp phát triển nên đời sống dân sinh ổn định đất nước yên bình mọi mặt mở mang, trong đó đạo Công giáo cũng phát triển mạnh. Gia Long băng hà truyền ngôi cho con là Hoàng Đam hiệu Minh Mệnh (1820).

Về mặt phát triển kinh tế, xã hội vẫn theo đường lối của vua cha, chú trọng mở mang đất đai nông nghiệp.

Thứ Hóa là một ấp thuộc hạ Châu Thổ sông Hồng- mảnh đất được khai lập giai đoạn này. Để rõ thêm lịch sử quê hương Thứ Hóa, chúng ta xem sơ lược về công cuộc khai lập Tổng Hành Thu (Trích văn bản của Phan Đại Doãn).

Hoàn Thu là tổng lớn nằm ven biển huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định. Trước năm 1828 đây là vùng đất

Hải, Kim Sơn. Bắc và Đông Hoàn Thu là các làng cựu thuộc tổng Hoàn Nha. Một dải phía đông chạy dọc theo sông Cồn, nhất là các làng được hình thành từ thế kỷ XV đến thế kỷ XII, như Quất lâm thượng, Quất lâm hạ, Đan phượng, Thanh khiết, Tiên chương, Xa châu. Vì vậy việc khai hoang ở Hoàn thu không tiến về Đông lán biển. Tây Hoàn Thu là sông Ngô đồng, một nhánh của sông Hồng chảy ra biển qua cửa Hà lạn.



Sông Ngô đồng nguyên trước đó khá rộng, cửa Hà lạn trước nằm trong đất liền, cách biển hiện nay khoảng 600 m. Sông Ngô đồng còn gọi là sông Sò, có vị trí rất quan trọng. Về thời điểm khai lập Tổng Hoàn Thu, tài liệu ghi: “Tổng Hoàn Thu bắt đầu khai khẩn vào tháng 3 năm 1828. Đến đầu năm sau thì được hình thành với 14 ấp, trại, giáp. Có 2850 mẫu ruộng đất và 301 suất đình. Trong thời gian ngắn công việc khai hoang đã thành công. Có nhiều năm sau vùng đất mới vẫn phải tiếp tục củng cố” (nguyên văn).

Đây là 14 ấp, trại, giáp của tổng Hoàn thu thời kỳ mới thành lập: Tên ấp trại và người đứng nguyên đơn lập ấp, trại:

- 1- Ấp Tôn thành 31 suất - Nguyễn Nhu, dân nghèo.
- 2- Ấp Bình gy 31 suất – Vũ Văn Huân, dân nghèo.
- 3- Địch giáo 32 suất – Trần Tứ, dân nghèo.
- 4- Trại Quân Lợi 15 suất – Trần Văn Cẩm, dân nghèo.
- 5- Trại Hiệt Cù 17 suất – Lưu Công Lễ, nho sinh.

6- Trại Thiết rình 16 suất – Cao Danh Chính, dân nghèo.

7- Trại Ngưỡng nhân 17 suất – Trần Phúc Thiệu, dân nghèo.

8- Ấp Thức Hóa 31 suất- Đinh Viết Hưng, dân nghèo.

9- Ấp Duy Tắc 31 suất Lê Huy Nghị –quan lại nhỏ.

10- Ấp Du Hiếu 31 suất – Phan Văn Minh – nhà giàu.

11- Trại Mộc Đức – Lâm Văn Nghị, dân nghèo.

12- Giáp Tư lạc – Ngô Doãn Phúc, dân nghèo.

13- Giáp Khắc nhất – Phùng phúc Chuyên, đồ nho.

14- Giáp Đắc sở – Phạm Tuyên, dân nghèo.

Dựa theo quy định của triều đình thời ấy

- Làng phải có 600 mẫu và 50 suất đình.

- Ấp là 400 mẫu và 30 suất đình.

- Trại là 200 mẫu và 15 suất đình.  
Hoành Thu không có đơn vị làng, chỉ có ấp, trại, giáp. Đơn vị quy hoạch ở đây là cả Tổng, hầu hết các ấp, trại, giáp đều nằm dọc theo sông Ngô đồng.

Việc đắp đê ngăn mặn đều phân chia cho từng đơn vị cư trú mỗi ấp, trại, giáp đảm nhận phần đê của mình.

-Thức Hóa lấy khu đất cao làm đất ở. Số đình suất đông nên chia làm 7 giông (sau là 7 xóm).

Qua nghiên cứu về các giai đoạn khai lập tổng Hoành thu- so với lịch sử khai lập ấp Thức Hóa trong cuốn “Hương Phả Làng Thức Hóa” có gì khác?

Theo tài liệu nghiên cứu lịch sử chung trong “Đại Nam Thực Lục Chính Biên” thì công cuộc khai lập đồng bằng sông Cửu Long và hạ châu thổ sông Hồng, đều ở triều đại Gia Long- Minh Mệnh, từ 1802 đến 1840. Tuy nhiên được chia làm hai thời kỳ. Thời Gia Long khai khẩn theo phương thức “cá nhân tự phát”. Không mang tính cộng đồng và Chính phủ không hỗ trợ, nên thường là thất bại. Trong đó mảnh đất Thức hoá xưa- do ông Nguyễn Đình Cẩn người Hải Dương chiêu mộ quân ở Hải Dương, Hưng yên đến khai khẩn lập ấp đầu thế kỷ XIX (1805- 1820) đã bị thất bại. Về ruộng đất: Ruộng đất khai hoang ở Hoành Thu cứ 100 mẫu thì 30 mẫu là đất ở, 70 mẫu là ruộng đất. Đất được chia làm 4 loại:

Đất thổ cư, làm nhà, vườn, ao hồ. Đất Tha ma, bãi thả trâu bò. Đất dựng đình chùa, nhà thờ. Thức Hoá làm Thánh Đường. Đất canh tác. Các loại ruộng đất trên được phân làm hai. Một nửa là “Tư điền” gồm đất và ruộng thuần hoa ừ được chia cho nguyên mộ, thứ mộ, tông mộ, những người trực tiếp ứng mộ và tham gia lao động từ khi đắp đê ngăn mặn đến khi hoàn thành. Theo quy định của tổng Hoành Thu thì mỗi suất được hai mẫu “tư điền quân nghiệp”. Tuy nhiên tùy theo mỗi Ấp, Ấp nào khai khẩn được nhiều thì phần mỗi suất tăng lên. Thức Hóa có 31 suất, mỗi suất được 2,5 mẫu. Tư điền quân nghiệp, trong đó: Đất là 1,8 mẫu, còn lại là ruộng. Ngoài tư điền tư thổ, còn lại là ruộng công điền công thổ sau khi đã để lại làm đình, chùa nghiã địa, nhà thờ. Thức Hoá để lại 6 mẫu Bắc Bộ làm khu Thánh đường, nhà xứ và 2 mẫu ở phía Tây bắc khu dân cư làm nghiã địa. Có nơi để lại ruộng lính (gọi là đồng binh), ruộng lão ruộng tư văn (Thức Hóa gọi là đồng quan- tức trùng 95). Loại ruộng này coi như nửa công, nửa tư. Còn lại mớ phân cho nhân đình theo chế độ ruộng khẩu phân theo lệ quân điền Gia Long: Ba năm chia lại một lần. (Trích nguyên văn trang 28 cột

một) Có chính sách quy chế rõ ràng, tạo nên khí thế lao động mạnh mẽ, công việc nhanh chóng. Vớ tư liệu này, và bả di cáo bằng chữ Hán các cụ Thức Hóa để lại “Lập Làng vào năm 1845” có hai lý do: Lý do thứ nhất là: Năm 1829 mới “hìnhthành” chứ chưa hoàn thành. Trong tài liệu nghiên cứu lịch sử có ghi: “Việc khai khẩn gặp rất nhiều khó khăn gian khổ. Nguyễn Công Trứ phải về tận nơi xem xét, cứ đắp xong, đến mùa lũ, lại bị phá. Mấy năm sau mới hoàn thànhkhóảng 1832 (trang 28 cột 2)- Trong thời gian ngắn, cuộc khẩn hoang đã thành công. Cố nhiên nhiều năm sau vùng đất mới, vẫn phải tiếp tục củng cố (Thức Hóa là 16 năm). (Trang 29 cột 2). Lý do thứ hai là: Triều đình thời ấy quy định. Nếu là làng phải có diện tích từ 600 mẫu và 50 suất đình. Thức Hóa năm 1829 mới có 31 suất và phải đến năm 1845 mới hội đủ hai yếu tố: diện tích và suất đình để lập làng. Như vậy năm 1845 là năm cha ông ta hoàn thành khai khẩn, đắp đê vững chắc ổn định, mở thêm diện tích và số người đến sau là tông mộ, thứ mộ mới có đủ suất đình, đủ ruộng đất để lập làng, có tên gọi: Làng Thức Hóa và cũng là Giáo Họ Thức Hóa. Song việc ghi chép xưa bằng chữ Hán lại chỉ ghi tóm tắt là: Lập làng năm 1845. Như vậy cũng là chính xác. Tổ Hoành đã sử dụng điều kiện có sẵn, chỉ gia công nạo vét sâu rộng thêm, một nhánh của thượng lưu sông Ngô đồng (Sông Sò). Trên trục sông này dân các ấp đào mương dẫn nước- năm Minh Mệnh thứ 13 (1832) người Hoành Thu lại hoàn thành 3 công thoát nước ra sông Ngô đồng ở Du Hiếu, Thức Hoá và Hoành Nha. Như vậy công Thức Hóa thường gọi là công tây, được xây dựng năm 1832 ... Khi thành lập các làng các xã, ấp, trại, giáp những quan hệ làng xóm cũng đặc biệt lưu ý; thường thì người cùng quê hương dòng họ đều được tổ chức trong cùng một đơn vị cư trú “điền hình như Thức Hóa trong số 31 người ứng mộ có tới 29 người họ Đinh từ Phú Nhai đến”. Tình cảm họ hàng, quê hương, tín

ngưỡng, tôn giáo cũng được xây dựng như quê cũ. Việc khai hoang thành lập làng Thức Hóa thực sự là một quá trình lao động gian khổ: Hai lần thất bại. Hai năm đắp đê (1828-1829) và 15 năm củng cố đê điều, khai hoang phục hóa, làm thủy lợi, phân canh, phân cư đời sống ổn định để có một làng Thức Hóa vào năm 1845. Trong đó phải kể đến công lao to lớn ban đầu hình thành ấp Thức Hóa của ông Đinh Viết Hưng, người lý trưởng đầu tiên- ứng đơn nguyên mộ lập ấp (1828-1829). Góp vào sự nghiệp chung lập tổng Hoàn Thu làm nên một dấu ấn lịch sử quê hương. Thức Hóa những năm 1950 trở về trước

- giai đoạn xây dựng và phát triển còn một dải ruộng phía Tây sông Sò. Lấy tỉnh lộ 21 làm trục đối xứng. Từ đường 21 trở lên để Đập Tàu gồm 2 cánh đồng; phía bắc khu "Chóp chài" quanh Miêu Bà 17 mẫu. Từ cống Đập Tàu đến lộ 21, có diện tích 85 mẫu. Xưa gọi là Cồn Lung – có thời gian gọi là đồng cụ Chánh Toàn. Từ đường 21 xuống giáp ấp Hà Lạn có 2 cánh đồng: cánh đồng giáp Hà Lạn có diện tích 25 mẫu. Lúc đầu gọi là Đồng Giang. Sau gọi là đồng cụ Cựu Hậu. Từ đồng Giang trở lên giáp lộ 21 là đồng Nam Đồng.

Dải ruộng trên trục lộ 21 cụ Chánh Toàn có 20 mẫu, người nhiều nhất, cụ còn là người truyền giáo đỡ đầu xây dựng giáo họ Thanh Khê xưa thuộc xứ Thức Hóa, (nay thuộc xứ Trung Thành) nên dải đồng này gọi là đồng cụ Chánh Toàn.

Dải ruộng dưới trục lộ 21, cụ Cựu Hậu có 25 mẫu (nhiều ruộng nhất) cụ còn làm truyền giáo đỡ đầu xây dựng giáo họ Nam Đồng- 1970 thuộc về trước thuộc xứ Thức Hóa – nay thuộc xứ Trung Thành. Dải ruộng này xưa gọi là đồng trùng Nam đồng – sau đổi tên là đồng cụ Cựu Hậu.

Danh sách 31 nguyên mộ lập làng:

1- Ông Đinh Viết Hưng – Lý

Trưởng

2- Ông Đỗ Viết Xuân

3- Ông Đinh Viết Nhung

4- Ông Đinh Viết Huyền

5- Ông Đinh Viết Lai

6- Ông Đinh Viết Thạch

7- Ông Đinh Viết Nhậm

8- Ông Đinh Viết Khánh

9- Ông Đinh Đức Dụ

10- Ông Đinh Viết Hào

11- Ông Đinh Viết Thiệu

12- Ông Đinh Năng Thi

13- Ông Đinh Đức Hậu

14- Ông Đinh Viết Tấn

15- Ông Đinh Khắc Thuật

16- Ông Đinh Viết Nhung

17- Ông Đinh Viết Thiệu

18- Ông Đinh Viết Liên

19- Ông Đinh Viết Úy

20- Ông Đinh Viết Sự

21- Ông Đinh Viết Tuyến

22- Ông Đinh Viết Hiệu Sâm

23- Ông Đinh Viết Tam

24- Ông Đinh Viết Lục

25- Ông Đinh Viết Thất

26- Ông Đinh Viết Tào

27- Ông Đinh Viết Thịnh

28- Ông Đinh Viết Tường

29- Ông Đinh Quang Huy

30- Ông Đinh Viết Thế

31- Ông Đinh Viết Hiền

## THỨC HÓA TỬ VÌ ĐẠO

Thời kỳ đầu vua Tự Đức (1847 – 1855) cấm đạo, chủ yếu là bắt chém, giết người giảng đạo. Còn đối với người dân theo đạo – Tự Đức nhắc nhở: “Ra sức dụ kẻ đạo Dạtô bỏ đảng tà, cùng bắt nó làm việc tế thần và cúng tổ tiên. Khi một năm kẻ nào còn cứng lòng, cố chấp thì phải thích tự vào má; hết hai năm nếu còn bất kháng, thì đàn ông sẽ phải xung quân, còn đàn bà bắt làm tội các quan”... Những quy định trên cùng với việc bắt giết mặc lòng, dấu chỉ người theo đạo một nhiều và nhiều người xung đạo ra tỏ tường.

Việc hành đạo ở Thức Hóa vẫn ở kỳ bình yên... vì là nơi dân cư mới. Tuy nhiên thượng thư Nam Định Nguyễn Đình Tân, năm 1856 sức cho các phủ huyện “khai sổ nhân danh các xã có đạo, cùng biên tên các kẻ có đạo chẳng kỳ đàn ông, đàn bà. Đến ngày đã hẹn thì sai quây vây các họ có đạo mà xông vào bắt bỏ đạo”. Lúc đó Thức Hóa còn yên. Tình hình càng ngày càng phức tạp hơn khi Hoàng Bảo là anh trai

Tự Đức khởi binh ở miền trong. Ngoài Bắc cũng có một số người chống lại triều đình như Lê Huy Cự (Bắc Ninh) và Cao Bá Quát (Bắc Ninh) nhà vua nghi nan và đổ lên đầu các người có đạo. Năm 1861 – Tự Đức ra chỉ cấm đạo.

Điều thứ nhất: Hễ ai có đạo Dạtô dù nam nay nữ, già, trẻ thì phải phân sáp vào các làng lương dân.

Điều thứ hai: Mỗi một làng cứ 5 người thì phải nhập một quân Dạtô.

Điều thứ ba: Các làng toàn tông Dạtô phải phá bình trị.

Điều thứ bốn: Các điền thổ những làng ấy phải phân chia cho các làng

lân can cây cấy và nộp thuế cho vua. Điều thứ năm: Các kẻ đi đạo Datô phải thích tự vào má, một bên hai chữ tả đạo, một bên tên phủ huyện (Sách đã dẫn trang 88). Sau khi Tự Đức ra chỉ dụ trên, quan thượng thư Nguyễn Đình Tân ra sức vây bắt người theo đạo như kế hoạch đã đề ra.

Năm ấy Thúc Hóa đã bị bắt 28 chủ hộ, trong đó có cả lý trưởng cựu Đình Viết Hưng.

Những người bị bắt phải giam tại Nam Định, bị cầm tù, bị cầm tù, bị cực hình tra tấn buộc phải “quá khóa”. Nhưng tất cả đều “bất kháng” nên đã phải đeo gông giải sang Quỳnh côi Thái bình chịu tử vì đạo. Các vị anh hùng tử đạo của người Thúc Hóa đó là:

1- Phêrô Đình Viết Nhuận. Bị cắt cổ chết.

2- Đaminh Đình Viết Tuất, bị đánh chết.

3- Đaminh Đình Viết Hiếu, bị đốt chết

4- Đaminh Đình Viết Ánh, bị chôn sống

5- Phêrô Đình Viết Hai, bị chôn sống

6- Đaminh Đình Viết Uông, bị cắt cổ chết

7- Gioan Đình Viết Tấn, bị cắt tiết chết

8- Đaminh Đình Viết Trữ, bị chôn sống

9- Phanxicô Đình Viết Toan, bị cắt tiết chết

10- Đaminh Đình Viết Tuy, bị cắt cổ chết

11- Đaminh Đình Viết Hiêng, bị cắt cổ chết

12- Đaminh Đình Viết Cận, bị chôn sống

13- Đaminh Đình Viết Triển, bị cắt tiết chết

14- Gioan Đình V. Hoán, bị cắt cổ chết

15- Đaminh Đình Viết Hiệu, bị đốt chết

16- Phêrô Đình V. Siêu, bị đốt chết

17- Đaminh Đình V. Khánh, bị đốt chết

18- Đaminh Đình Viết Thuật, bị đốt chết

19- Đaminh Đình Viết Phổ, bị đốt chết

20- Đaminh Đình Viết Triều, bị đốt chết

21- Gioan Đình Viết Thùy, bị cắt cổ chết

22- Phêrô Đình Viết Hưng, bị đốt chết

23- Đaminh Đình Viết Huy, bị chém chết

24- Đaminh Đình Viết Úy, bị cắt tiết chết

25- Đaminh Đình Viết Nhiêu, bị cắt cổ chết

26- Đaminh Đình Viết Hiền, bị cắt tiết chết

27- Tôma Đình Viết. Cung, bị cắt cổ chết

28- Đaminh Đình Viết Miêng, Hải cốt tại Phú nhai.

Ngoài số hành quyết trên còn hàng chục người trốn thoát, sống chui, sống lủi. Dân làng, đàn bà trẻ con không những đau xót về nỗi mất mát: Kẻ mất cha, người mất con, mất chồng, mất anh em ruột thịt. Bên cạnh là nỗi sợ, cũng phải chạy trốn, phân tán nơi này nơi khác để khỏi bị bắt phân sáp sang các làng dân lương. Nguyễn đường và tài sản

giáo họ bị triệt phá... Mọi sự kiện hết sức thảm khốc thê lương của người Thúc Hóa sau 16 năm lập làng (1845–1861) một dấu ấn ghi vào lịch sử quê hương để lại muôn đời sau.

Lịch sử địa phận trung ghi: ... “Trong 5 năm Tự Đức cấm đạo (1856 – 1861). Địa phận Trung mất: Một vain, sáu nghìn người, ba Đức Cha, 38 cụ Linh Mục tử vì đạo (trang 99).

- “Khoảng một vạn người kỳ mục phải giam cầm vì đạo, phải cầm cốc mà chết - hay là phải đi lưu. Có độ 100 làng bị phá thành bình địa, khoảng hai nghìn họ đạo bị mất gia tài, điền sản, độ 300 ngàn bản đạo bị phân sáp vào các làng lương dân”. “Còn các nhà thờ, các nhà chung, nhà tràng, nhà tiểu nhi, nhà chị em thì phá hết. (Sách đã dẫn trang 100).

Tự Đức điên cuồng cấm đạo Thiên Chúa, nhưng thế và lực một ngày một suy yếu do chế độ hà khắc, nhân dân chán ghét. Triều đình chia rẽ bè phái, quan lại tham nhũng, trong nước nhiều cuộc nổi dậy chống triều đình, mỗi nguy cơ đe dọa từ bên ngoài ngày một tăng. Và cuối cùng năm 1862 Tự Đức đã phải ký hòa ước với Pháp ngày 05 -01 – 1862. Ngày 13-01- 1862. Tự Đức ra chỉ thị từ bỏ cấm đạo.

Kể từ năm 1864 Thúc Hóa trở lại thời kỳ bình yên, tiếp tục củng cố và ổn định đời sống. Từ 1864 đến 1900, 36 năm ấy Thúc Hóa với “thiên thời, địa lợi, nhân hoà”- phát huy tiềm năng kinh tế là nông nghiệp và khai thác thủy sản. Về nông nghiệp là nơi đất rộng, được thuần hóa dần, diện tích canh tác ngày một mở rộng, lau năng suất mỗi ngày một tăng cao. Về tôn giáo: Nền kinh tế phục hồi nhanh chóng – ổn định đồng thời đời sống tâm linh cũng được chú trọng. Năm 1870 bắt đầu đi vào xây cất thánh đường giáo họ. Thánh đường bằng gỗ lim, theo kiểu á đông, bảy gian hai hàng hiên. Vì xà chạm trở nổi long vân, mái lợp ngói nam – hai đầu

mái cong giống như đình làng, cao đẹp. Tôn nhận Đức Mẹ Truyền Tin làm Quan Thầy.

Lúc đó Giáo họ Thức Hóa còn là họ lễ của Giáo xứ Quất Lâm.

Cuối thế kỷ 18 – Thức Hóa có thầy giảng về giảng đạo và giáo lý. Cũng trong thập kỷ này- Thức Hóa ghi thêm một sự kiện là di chuyển hài cốt 28 vị tử đạo từ Quỳnh Côi Thái Bình về quê hương.

Năm 1883 đến năm 1885, Đức Giám Mục Thuận lập án các vị tử đạo lần thứ hai thời Tự Đức (1861 – 1862) ở Quỳnh Côi Thái Bình. Sau đó

Thức Hóa đã xin và được Đức Cha cho thực hiện. Việc đưa hài cốt các vị tử đạo về quê hương được tổ chức trọng thể, chu đáo, tốn kém và công phu được tiến hành từng bước.

Hài cốt 27 vị được đưa về an táng tại đất thánh phía Đông Nam Thánh Đường với nghi thức trọng thể.

Thơ Người Thức Hoá

## CON NGƯỜI THỨC HÓA

Thức Hóa quê ta những tự hào  
Con người phong cảnh đẹp biết bao  
Tình người Thức hóa quê tôi  
Nnhư cây đại thụ dưới trời bao la  
Xum xuê xanh tốt mượt mà  
Ung dung đáng đứng bốn mùa nở  
hoa

*Lá non nối tiếp lá già  
Thành cây bóng cả mái nhà chung vui  
Cùng nhau chia ngọt sẻ bùi  
Hương thơm dâng kính nhớ người trồng  
cây  
Cùng nhau anh nay em đây  
Chung lòng chung sức dựng xây quê nhà  
Dù cho có ở thật xa  
Trăm tay vun đắp hài hoà sắc hương  
Hoa thiêng nở chôn thánh đường  
Anh hùng tử đạo toả hương ngạt ngào  
Nghĩa tình ôi đẹp đường bao  
Tượng đài, nhà xứ mọc cao vừng vàng  
Đường Làng rộng mở thênh thang  
Đạo ngày tốt đẹp rộn ràng vui tươi*

*Khoẻ như trai táng đôi mươi  
Đẹp như thiếu nữ nụ cười tròn trắng  
Trẻ như tre mới nhú măng  
Bền như sức sống mùa xuân đất trời  
Tạo nên nhựa sống cho đời  
Cho cây đại thụ sáng ngời chữ vinh  
Con người Thức hóa quê mình  
Nặng nghĩa nặng tình, đẹp tựa như  
trăng.*

(theo Lịch sử làng TH.)

## THỨC HOÁ

THỨC *tinh nguyện cầu Thánh nữ  
vương*  
HOÁ *sinh Hồng Phúc ích muông  
phương*  
VĂN *nhân khởi nghiệp ơn hồng  
phúc*  
MINH *dẫn ta đi mọi nẻo đường*  
NGHĨA *cả nặng lòng nơi đất tổ*  
TÌNH *xa cao đẹp chôn quê hương*  
CAO *dày công phúc đẹp trong sáng*  
ĐẸP *lòng mến Chúa- đẹp tình  
thương*

## Trích Lịch sử làng Thức Hoá



\*\*\*\*\*

## Chuyện Cười

### Thầy người

Một Việt Kiều về nước thăm gia đình. Một hôm vợ sai đi mua gà. Vào quán, anh ta tận mắt chứng kiến một hiện tượng lạ chưa từng có trên thế giới. Đó là một “ông thầy người” đang ngửi phao câu gà.

Trong quán gồm những con gà đã được làm sẵn, con nào cũng giống con nào, nên khách hàng khó mà

đoán biết con nào nuôi ở Thụy Phương, vì gà Thụy phương nổi tiếng là ngon. Người bán hàng vốn mới vào làm còn lúng túng không biết chọn gà nào theo đúng yêu cầu của khách, nên nhờ một người là thầy người chọn giùm một con gà Thụy Phương theo yêu cầu của bà khách hàng. Ông thầy người giống giặc nói:

- Anh lấy con trên cùng đó đưa cho tôi!

Ông cầm gà và quay ngược lại, người người vào dưới phao câu con gà rồi lắc đầu:

- Không phải, con này nuôi ở Vũ Thư. Anh đưa tôi con khác!

Khách lại dùng phương pháp cũ rồi lắc đầu:

- Cũng không phải, con này nuôi ở Phú Xuyên.
- Thử đến con thứ ba:
- Đúng rồi! Con này mới là ở Thụy Phương - Đông Anh chính cống.....

Bỗng thầy người quay qua anh Việt Kiều:

- Anh là khách lạ hả? Nhìn tướng của anh chắc anh không phải người ở đây? Anh từ địa phương nào tới vậy?

Anh Việt Kiều nhanh nhẹn quay lưng lại, chống hông lên:

- Anh đoán thử xem!



# Kẻ tử tội trở thành một cây bút lừng danh

*“Tuong lai mỗi tội nhân là một vị thánh. Quá khứ mỗi vị thánh là một tội nhân.” Saint Augustine*

Không phải kẻ nào mang án tử hình cũng hoàn toàn tuyệt vọng, mất đi niềm tin về sự sống còn của mình. Thảm trạng cùng nhục cảnh tù đầy nhiều lúc lại là môi trường, cơ hội tốt để con người có thể phát huy, ghi lại những suy tư, những khổ ải, gian truân mà họ đã kinh qua, chiêm nghiệm... Tác phẩm của họ thường được người đọc ưu ái đón nhận và được xem, liệt vào hàng kiệt tác trong các lãnh vực báo chí, văn học, chính trị.....

Cuộc đời của Wilbert Rideau (WR) mang nhiều sắc thái đặc thù, đầy hấp lực và là một tấm gương trong sáng. Nhờ những nỗ lực vươn mình hướng thiện không ngừng mà ông, từ một kẻ sát nhân, mang án tử hình, bị thất học, trong thời gian chờ ngày lên đoạn đầu đài đã chịu khó tự học, đọc sách để trở thành một nhà báo, nhà văn được nhiều giải thưởng và sự nể trọng, ưu ái của mọi giới, mọi người.

Wilbert Rideau (WR) sanh ngày 13 tháng 3 năm 1942 trong một gia đình da đen nghèo, bắt ớn tại Louisiana. Cha mẹ li dị, lúc nhỏ ông thường phải nhịn đói đi học và bị nạn kỳ thị chủng tộc đê bẹp xuống tận đất đen. Năm 13 tuổi ông bỏ học đi lêu lổng, 16 tuổi làm công việc dọn dẹp cho một tiệm tạp hoá. Năm 19 tuổi cướp ngân hàng. Khi bị phát hiện, để thoát thân WR đã bắt cóc ông giám đốc và 2 nữ nhân viên làm con tin. Cả 3 đều là người da trắng. Trên đường đào tẩu, khi ra tới vùng ngoại ô thì cô Julia Ferguson cho xe chạy chậm lại và họ tìm cách trốn thoát. Kêu dừng lại không được, Wilbert đã nã hết 6 viên đạn và làm 3 người bị thương. Khi Julia gượng đứng dậy

thì WR dùng dao đâm vào ngực cô. Theo lời của cảnh sát thì cô này gượng dậy để xin tha mạng. Còn theo lời khai của Wilbert thì ông dự tính sau khi đến nơi có thể thoát thân ông sẽ thả họ về. Việc giết cô Julia chỉ là hành động thiếu suy nghĩ trong lúc lo sợ, bối rối.



Bị buộc tội cố sát và kết án tử hình 3 lần vào các năm 1961, 1964, 1970, với các bồi thẩm đoàn toàn người da trắng. Nhưng các phán quyết trên đều lần lượt bị các Toà Thượng Thẩm, Toà Phá Án liên bang tiêu hủy bởi vì các tiến trình xử án này đều bị xem là bất hợp lệ, sai lầm, thiếu vô tư. Sau đó không lâu, vào năm 1972 Toà Thượng Thẩm lại tuyên bố hình phạt tử hình là vi hiến. Nhờ vậy WR thoát chết, trở thành tù nhân chung thân khổ sai và năm 1973 ông được đưa ra khỏi khu biệt lập dành cho những người chờ ngày ra pháp trường thọ lệnh hành quyết.

Cảm thấy ân hận về tội lỗi của mình Wilberg bắt đầu miệt mài tự học và đọc sách. Ông đọc một cách say mê các sách về tôn giáo, thánh kinh mà luật lệ nhà giam cho phép cũng như những thể loại, đề mục khác bị cấm. Qua sách vở cũng như sự thân cận, trợ giúp của những người trong trại tù ông thấy xã hội, đời sống quanh ông đầy dẫy những nhân vật anh hùng và người tốt bụng. Trường hợp kẻ cận bên ông nhất là những nhân viên cải huấn - những người có nhiệm vụ canh chừng ông, cải tạo ông lại là người thường lên

lút cung cấp sách vở bị cấm đoán cho ông trau dồi kinh sử và mở mang kiến thức. Tường cũng cần nói thêm là những người tạo dựng con đường thẳng tiến cho Wilbert ở đây đều là người da trắng. Điều này đã giúp Wilbert thay đổi hẳn nhân quan của mình. Có lẽ đối với ông, đó là một dấu mốc quan trọng, mới mẻ. Ông nhìn cuộc đời và con người bằng một lăng kính trong sáng hơn. Những ý niệm vẩn đục, mơ hồ cũ đã hoàn toàn tan tác theo sương khói.

Sau một thời gian tự học hỏi, ông thấy hứng thú trong việc sáng tác và bắt đầu viết.

Nhiều nguồn tin cho biết trong suốt 44 năm trong trại giam

ông luôn giúp đỡ các bạn tù khác và tuân thủ luật lệ, qui điều nghiêm ngặt và cũng chưa bao giờ bị sai phạm.

Với những hoạt động, đóng góp tích cực, không ngừng như vậy ông đã được trao tặng nhiều giải thưởng và tuyên dương danh dự của các giới chức hành pháp, tư pháp, hiệp hội báo chí, luật gia, truyền thông, truyền hình...

Trong thời kỳ sửa soạn việc tuyên chọn giải Oscar năm 1999 cho cuốn *Life Sentences* ông là chủ đề trong các bài tường thuật, phỏng vấn trên các đài Good Morning America, CBS, Fox, CNN... trên các báo nội địa Hoa kỳ và các quốc gia khác như Anh, Pháp, Đức, Úc, Hoà Lan, Bỉ... Trong hơn 30 năm qua ông luôn là đề tài chính cho vô số bài viết lưu truyền khắp nơi.

Ngoài 2 cuốn *Life Sentences*, ông còn thực hiện nhiều phim tài liệu, tranh ảnh, videotape cho các lớp học... Riêng cuốn phim tài liệu *The Farm* chẳng những trúng giải trong kỳ đại hội Sundance 1998 mà còn được đề bạt giải Oscar.

\*\*\*\*\*

Nhờ sự tranh đấu của nhiều lực lượng, hội đoàn hỗ trợ để xin cải danh tội trạng, đặc biệt là sự can thiệp, tiếp tay của NAACP và Educational Fund cùng sự bảo chữa của luật sư Johnnie Cochran ông được giảm án và tức khắc được trả tự do ngày 15 tháng 01 năm 2005 vì thời gian ông ở tù đã gấp đôi hình phạt dành cho tội ngộ sát.. Nhiều người cho rằng ông phải nằm khám 44 năm có thể vì ông là một tù nhân đặc biệt và quá nổi tiếng,

Sau khi gặp lại gia đình ông cho biết: *tôi phải tập làm quen với ý nghĩ được tự do. Tôi phải tập thích ứng với một thế giới tương đối khác biệt với thế giới trước ngày tôi vào tù....*

WR đang định viết sách và muốn chuộc lại lỗi lầm, cũng như làm những việc hữu ích cho đời, cho những người đã đặt kỳ vọng, niềm tin nơi ông bao nhiêu năm qua có thể nhìn thấy. Mới đây, có nguồn tin cho rằng Rideau sắp ký một hợp đồng đầu tiên trị giá năm trăm ngàn Mỹ kim. Bây giờ, với trình độ cao và nhiều kinh nghiệm, mỗi ngày được tự do đi lại, có nhiều thời giờ nghỉ ngơi, làm những điều mình ưa thích, tâm nguyện chắc hẳn là một niềm vui vô bờ cho riêng ông: một-người-về-từ-cõi-chết.

Phan Bá Thụy Dương

\*\*\*\*\*

Lạy Cha nhân ái, cuộc đời con lao đao nhiều bất hạnh, những bất hạnh thật nhỏ bé, con đã từng vấp ngã, những cái té nhẹ nhàng, con đã từng phạm tội nhưng chưa bao giờ bị bắt, thế mà con không ngớt kêu trời trách phạt, oán Chúa bỏ nhà thờ mỗi khi gặp chuyện không vừa ý. Xin cho biết đứng lên sau mỗi lần vấp ngã như người tử tội trên, đừng bao giờ nản lòng vì những tội lỗi xấu xa của mình. Xin cho con luôn biết phấn đấu trước mọi nghịch cảnh và đặt trọn niềm cậy trông nơi Chúa. Amen!

# Niềm Hạnh Phúc Tuyệt Vời



**T**ôi sinh ra và lớn lên trong lòng miền Bắc VNXHCN vô thân.

Suốt mười năm học trường Phổ Thông (trong Miền Nam 12 năm), tôi luôn luôn được dạy rằng Vũ Trụ này tự nhiên mà có, không ông trời hay Thiên Chúa sáng tạo nào hết. Rồi tôi vào học ngành vật lý của trường Đại Học Tổng Hợp Hà Nội. Tôi phải học triết học duy vật một cách có hệ thống, chối bỏ sự hiện diện của ông trời vì không ai có thể sờ đụng hoặc cảm nhận được Ngài nhờ giác quan của mình. Với trí óc non nớt tôi cảm thấy chủ nghĩa duy vật là đúng, ai tin có Thiên Chúa, tôi đều cho là

duy tâm, là mê tín dị đoan.

Sau khi tốt nghiệp tôi làm nghề dạy học. Tôi phải vừa dạy vật lý, vừa giáo dục tư tưởng duy vật cho sinh viên, tôi giảng dạy rất say sưa. Suốt mười ba năm dạy học, là tôi tuyên truyền cho chủ nghĩa vô thần, chống lại sự hiệu hữu của Thiên Chúa. Bây giờ bình tâm nghĩ lại, tôi cảm nhận xót xa, ân hận vô cùng. Nếu linh hồn của lớp đàn em tôi bị hư mất, thì chính tôi phải chịu một phần trách nhiệm. Tôi đã vô tình gây nên tội.

Năm 1976 tôi được cử đi làm nghiên cứu sinh ở Hungary, nơi đây ý tưởng về sự hiện hữu của Thiên Chúa đã đánh động lương tâm tôi. Có được bằng cấp (tiến sĩ) nước ngoài rồi, tôi được làm ở Viện Vật Lý thuộc Viện Khoa Học VN, rồi được đề cử Trưởng phòng của phòng nghiên cứu vật lý hạt nhân, trong đó có 6 phó tiến sĩ cùng làm việc. Chúng tôi đã từng ký kết và thực hiện hợp đồng với Cơ Quan Nguyên Tử năng quốc tế (International Atomic Energy Agency) cộng tác nghiên cứu các phản ứng tổng hợp hạt nhân (fusim reactions) thuộc đề tài sử dụng năng lượng tổng hợp hạt nhân vào mục đích Hòa Bình. Nhờ đó tôi may mắn được đi dự một số hội nghị khoa học quốc tế để báo cáo về các công trình nghiên cứu này.

Bước đường sự nghiệp của tôi tuy chưa bằng ai, nhưng đối với tôi có thể coi là toại nguyện. Tôi thấy rõ là Thượng Đế đã có kế hoạch đào tạo tôi thật quá kỳ diệu, và tôi thấy tạ ơn Ngài.

Năm 1989 nhân một chuyến đi công tác nước ngoài, tôi đã mạnh dạn "trón" ở lại Đức, tại trại tỵ nạn chính trị Heilbronn và may mắn tôi được gặp nhà

truyền giáo Henk Wolthaus. Ông đến trại tỵ nạn để phát sách cơ đốc giáo cho mọi người. Sau khi nói chuyện với ông, tôi xin ông một cuốn Thánh Kinh bằng tiếng Anh và một vài cuốn sách khác như của những người "chứng nhân cảm nhận tình thương yêu của Thiên Chúa đối với loài người."

Những phép lạ đầy đầy trong Thánh Kinh làm cái đầu quen suy nghĩ theo kiểu vô thần của tôi, không sao hiểu nổi. Đúng lúc ấy, trong đầu tôi nảy ra một câu hỏi mà bây giờ tôi mới biết là chính Thiên Chúa đã đến trong tâm trí tôi, và gỡ rối cho tôi. Câu hỏi đó là "Sức mạnh nào khiến cho hàng tỷ người trong thế giới, trong đó có hầu hết các nhà khoa học vĩ đại mà tôi từng ngưỡng mộ, đều tin vào Kinh Thánh. Họ cuồng tín hay chính mình ngu đốt?"

Từ những cuốn sách nhỏ xíu của nhà truyền giáo Hòa Lan tôi đã đọc thấy những câu bắt hủ sau đây:

- Charlis Dickens viết "Kinh sách là cuốn sách tốt nhất, được nhiều người mua về nghiên ngẫm nhiều nhất trên thế giới" (best seller)

- Isaac Newton, nhà khoa học mà tôi đầy lòng khâm phục, đã kết luận "Trong Kinh Thánh có nhiều biểu hiện chắc chắn về tính có thực, hơn bất cứ một câu chuyện nào chống lại sách đó."

- Victor Higo viết: "Nước Anh có 2 cuốn sách Kinh Thánh và Shakespeare. Nước Anh sinh ra Shakespeare, còn Kinh Thánh làm nên nước Anh."

- Albert Einstein, nhà vật lý học được coi là vĩ đại nhất của thế kỷ 20, đã phát biểu "khoa học không có tôn giáo là khoa học mù lòa, tôn giáo thiếu khoa học là tôn giáo què quặt."

Tôi lại nhớ đến một câu chuyện của Newton. Sau khi ông phát minh ra định luật hấp dẫn vũ trụ kỳ diệu, là vì ông thuần phục sự hiện hữu của Thượng

Đế. Ông đã làm một mô hình (sa bàn) hệ thống mặt trời rất đẹp để ngay trên bàn làm việc. Một hôm có người bạn vô tình đến thăm, và khen ngợi mô hình đẹp quá và hỏi "Ai đã làm nên vậy?" Newton cười hóm hỉnh trả lời "Tự nhiên mà có đấy thôi."

Ông bạn cương quyết không tin. Newton trả lời "thề thì tại sao cậu lại tin cả cái vũ trụ vĩ đại chuyên động nhíp nhàng này tự nhiên mà có, không cần

Đấng sáng tạo" (Creator).

Tính muôn màu, muôn vẻ của thiên nhiên, tính di truyền kỳ diệu

hạt giống nào sinh cây trái đó, vẻ đẹp tuyệt vời của các loài hoa nhất là các loài hoa lan (orchids), sự hài hoà và hoàn thiện của cơ thể con người, sự hùng vĩ của bầu trời đầy sao... Tất cả những sự màu nhiệm đó, cộng với ý kiến của các vĩ nhân mà tôi hằng kính phục chính là sự minh họa tuyệt vời và là cơ sở để cho tôi tin rằng phải có "Đấng sáng tạo", đó chính là Đức Chúa Trời, là Thiên Chúa, là ông Thiên, mà dân ta vẫn tin thờ, lập bàn thờ trước sân nhà. Ca dao VN có bài "Lạy Trời mưa xuống, lấy nước tôi uống, lấy ruộng tôi cày, cho đầy bát com, lấy rom đun bếp..."

Trong thời gian tôi ở trong trại tỵ nạn cộng sản, một dịp may cho tôi được thấy dòng chữ "In God we trust" trên đồng đô la của nước Mỹ, tôi suy nghĩ rất nhiều về một dân tộc, một cường quốc số 1 của thế giới, mà tin tưởng tuyệt đối vào đấng Thượng Đế, tiếp

theo sự tìm hiểu, tôi lại được biết thêm dân Hoa Kỳ mừng ngày "Thanksgiving" là 1 ngày trọng đại, một ngày nghỉ toàn quốc để tạ ơn Đấng sáng tạo nên vũ trụ này.

Sau đó, tôi đi đến quyết định quan trọng là xin định cư tại Hoa Kỳ, một môi trường lý tưởng để làm việc, học hỏi để tiến bộ, nhất là về mặt tâm linh, có nhiều trường đại học về thần học để tôi tìm hiểu về Thượng Đế và loài người.

Nhà bác học Albert Einstein đã viết "Tôn giáo của tôi là sự hạ mình chiêm ngưỡng Đấng vốn là thần linh, tối cao, vô hạn đã tự bày tỏ chính Ngài trong những phần tử vô cùng bé nhỏ của vũ trụ, để cho chúng ta có thể bằng tư duy thiền cận, tâm thường của mình cũng nhận biết được Ngài. Chính sự hiểu biết về những quy luật tuyệt vời của vũ trụ vĩ đại và kỳ diệu của một Đấng Quyền Năng tối thượng đã sáng tạo nên vũ trụ, cái mà con người không thể nào lãnh hội được bằng lý trí của mình" (Barnett Lincoln: The Universe and Dr Einstein, p.95)

Khi được sống tại Mỹ tôi còn gặp những câu như "We believe in God"; "God bless America" nhiều chức vụ lãnh đạo, khi nhân sự nhậm chức đều phải đặt tay trên cuốn Thánh Kinh để tuyên thệ điều này các quốc gia khác không thấy có.

Thoát được sự "sợ hãi kinh niên" sống dưới chế độ cộng sản; nay tôi rất an tâm vui hưởng cuộc sống mới đầy đủ mọi quyền tự do; thật là một niềm hạnh phúc tuyệt vời -

Ước mong sẽ được trao đổi tâm tình thêm với quý vị qua các phương tiện thông tin hiện có.

T.S Phan Như Ngọc



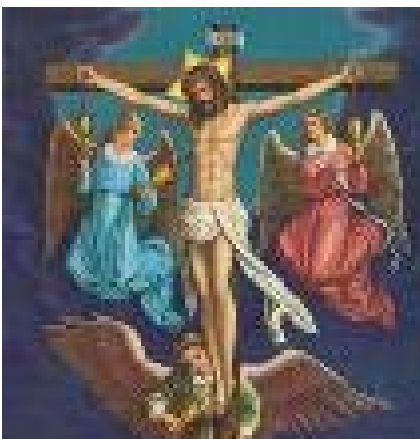
# TẠI SAO NGÀI IM LẶNG?

Lm. Giuse Đinh Thanh Bình

**B**uổi sáng ngày 25 tháng 4 năm 1986, em trai tôi hơn hờ sắp xếp đồ đạc lên xe đi chơi với bạn bè. Em giơ tay vẫy chào từ giã mọi người trong gia đình lần cuối, vì em không bao giờ trở về nữa. Tôi hôm đó cảnh sát điện thoại báo tin em đã bị tử nạn xe hơi gần một khúc quanh trơn trượt. Em qua đời khi vừa tròn 20 tuổi. Trưa hôm sau, tôi đáp phi cơ từ Adelaide về Melbourne để nhận xác em. Em nằm ngủ bình yên. Nước mắt tưởng chừng như đã cạn, bây giờ lại trào ra đầm đìa trên má. Tôi phóng xe tới nhà thờ thánh Phanxico, cửa đã đóng, tôi đứng hét giữa trời "Tại sao em con lại chết? Tại sao?". Như một thằng điên tôi khàn giọng hỏi Chúa nhưng Ngài vẫn im lặng.

Tháng 12 cùng năm ấy, chị tôi gọi điện thoại nức nở báo tin bố tôi vừa mất tại Việt Nam trên giường bệnh. Tất cả các con đều ở hải ngoại chẳng có ai bên cạnh trước giờ nhắm mắt. Lần này, tôi quỳ gối lặng lẽ, toàn thân cứng đờ bất động, tuyệt vọng nhìn lên thánh giá tôi thề thào: "Lạy Chúa! tại sao?", nhưng Ngài vẫn im lặng.

Gia đình tôi mấy đời đạo gốc, chúng tôi tin rằng Thiên Chúa là Đấng Toàn Năng quyền phép vô biên, nhân từ và luôn yêu thương loài người như cha mẹ đối với con cái. Ngài sẽ ân thưởng nếu chúng tôi biết vâng lời tuân theo luật Chúa, Ngài sẽ răn dạy nếu chúng tôi hư đốn phạm tội, Ngài sẽ bảo vệ chúng tôi khỏi những ám hại



xấu xa của kẻ thù. Hồng phúc Thiên Chúa ban cho con người nhiều hay ít tôi khó thấy được nhưng đau khổ thì cứ hiện diện trước mắt. Năm 1986 hai cái đại tang trong gia đình tôi, trước đó anh tôi vượt biên mất tích. Những người tôi yêu thương đều lần lượt lia trần, bỏ tôi đã già tôi còn hiểu được nhưng em tôi, đứa em đẹp trai vui vẻ dễ thương nhất nhà, em tôi có tội tình gì mà cũng tức tưởi ra đi khi tuổi đời còn son trẻ với một tương lai hứa hẹn rực rỡ.

Mười năm sau, mẹ tôi vẫn còn khóc mỗi khi ra thăm mộ em. Gần mười năm rồi mà vết thương vẫn chưa lành. Gia đình tôi vẫn thường nhớ tới sinh nhật của em để tính tuổi và tưởng tượng tương lai của em. Mười năm sau, tôi không còn hỏi Ngài tại sao, bởi vì Ngài vẫn im lặng, vẫn gục đầu trên Thánh Giá.

Trong một cuộc triển lãm tranh ảnh của những họa sĩ nổi tiếng, khách thường ngoạn đặc biệt chú ý tới một bức tranh về Chúa Giêsu đứng trước cửa một căn nhà tồi tàn. Người ta rất thích thú khi khám phá ra rằng trên cửa lại không có cái nắm cửa để mở. Chẳng lẽ họa sĩ lại quên đi một chi tiết tầm thường nhưng cũng rất quan trọng như vậy hay sao? Chỉ khi mọi người xì xầm thắc

mắc, tiếp tục ngắm nghía cẩn thận và ngắm nghĩ hồi lâu, họ mới "ngộ" ra cái dụng ý tuyệt diệu của họa phẩm:

*Thiên Chúa luôn luôn kiên nhẫn chờ đợi bên ngoài cánh cửa lòng của chúng ta, dù tuyết rơi, mưa đổ, gió bão, phong ba thi nhau ập tới, Ngài cũng không nề hà chờ đợi. Nhưng Ngài không thể vô nhà vì nắm cửa nằm bên trong. Quyền quyết định ở trong tay chúng ta, Ngài chỉ có thể bước vào và ngự trị trong tâm hồn chúng ta nếu chúng ta mở cửa cho Ngài.*

Khi đau khổ hành hạ xác thân tâm hồn chúng ta, chúng ta gào thét trách mắng Thiên Chúa "Lạy Chúa, tại sao Ngài im lặng?". Chúng ta quên mở cửa cho Ngài, quên nhào vào lòng Ngài để tìm kiếm nơi nương tựa ủi an, để được xoa dịu vỗ về trong lúc tuyệt vọng. Ngài vẫn đứng đó, chờ đợi, kiên nhẫn, chịu đựng, mong mỏi và hy vọng.

Chúng ta hãy thử nhìn lại cuộc đời mình xem đã bao lần chúng ta ngoảnh mặt làm ngơ trước những khổ đau của kẻ khác? Đã bao lần chúng ta quên Ngài khi cuộc sống thanh thoi sung sướng? Đã bao lần chúng ta từ chối Ngài vì theo Ngài là phải "bỏ mình" để tuân giữ những giới răn Ngài dạy bảo? Đã bao lần lương tâm thúc giục trở về mà chúng ta vẫn tinh bơ bước sâu vào vũng lầy tội lỗi?

Hỏi rằng chúng ta phải trả lời như thế nào nếu Ngài thì thăm bên tai mỗi người chúng ta: "Này con, tại sao con im lặng???"

Giuse Đinh Thanh Bình, SDB

# BÊN BỤI HỒNG

**C**hiều Lộ Đức mùa đông lạnh giá. Cánh cửa mở toang. Một luồng gió buốt thổi qua căn phòng trống trải đơn nghèo.

Bênadétta thân hình mảnh mong. Năm nay nàng 14 tuổi. Rồi khỏi bàn, nàng ra đóng cửa lại rồi gài then thật chắc. Tiếng Maria, cô em 11 tuổi của nàng lạnh lạnh thốt lên:

-Nhà mình không bằng nhà tù má ạ! Nhưng người tù còn có nhà ấm hơn nhà mình!

-Suyt! Maria, con phải biết gia đình mình có nhà để che thân là đã phải tạ ơn Chúa lắm rồi! Má chỉ mong trời đừng lạnh quá thôi! Má cần thêm ít củi để sưởi đêm nay.

Maria quay sang thì thầm với Gioanna, bạn học của cô mới từ trường ghé qua, rồi cô thưa mẹ:

-Má ạ, con và Gioanna đi lượm củi đây.

Bênadétta xen vào:

-Chị đi với! Ba người thì tốt hơn là hai.

-Không được! Con không nhớ con đang bị suyễn sao? Con không được khỏe như Maria.

-Nhưng thưa má, con đi vớ dây và quàng khăn thì đâu có việc gì!

-Thì được! Nhưng chong chóng lên rồi về. Chỉ lượm đủ củi sưởi đêm nay thôi.

Bà cô gái lượm từng nhánh củi dọc theo bờ sông. Bất chợt Maria kêu lên:

-Ồ kia! Ở bờ bên kia có nhiều cành gãy quá! Chúng mình lội qua đi!

Nói xong, Maria và Gioanna tụt giày liền.

Bênadétta năn nỉ:

-Làm ơn khiêng chị sang với! Nếu chân chị ướt, chị sẽ đau.

Bênadétta còn nhỏ con hơn cả Gioanna và Maria nữa!

Giọng Gioanna xia xói:

-Thôi đi bà!  
Bà không lội được thì bà ở yên đó!

Bênadétta chăm chú nhìn em nàng và Gioanna băng qua dòng nước cạn rồi mất hút sau những lùm cây. Nàng ngồi xuống, cởi vớ ra. Thình lình, nàng giật mình nghe tiếng gió thổi mạnh như bão. Đứng phắt dậy, nàng ngơ ngác nhìn chung quanh.

Tim nàng như ngừng đập. Thân mình run rẩy. Tại một góc hang, ngay phía trên bụi hồng đại, một Phụ Nữ trẻ, đẹp tuyệt vời đang nhìn nàng. Bà đi chân không. Áo và khăn trùm đầu màu trắng tinh phủ tới hai bàn chân, chiếu sáng như mặt trời. Cánh tay phải của Bà quàng một tràng chuỗi, những hạt trắng nổi nhau bằng những mắt xích vàng. Trên mỗi bàn chân nhỏ nhắn của người Phụ Nữ có điểm một bông hồng vàng. Thân hình Bà xem chừng cũng không lớn hơn Bênadétta. Bà mỉm cười rồi ra hiệu cho nàng tới gần.

Bênadétta tiến tới. Tường mình đang mơ, nàng dụi mắt, nhắm nghiền lại, rồi mở choàng ra. Người Phụ Nữ vẫn còn đó. Lập tức mọi lo sợ đều tan biến. Nàng thò tay vào túi, lấy ra một xâu chuỗi, rồi quỳ xuống. Nàng thấy Bà đẹp cũng cảm tràng hạt. Bà làm dấu Thánh Giá. Bênadétta bắt đầu lần chuỗi. Bà Đẹp cũng lần theo, nhưng bà không đọc gì cả, ngoài trừ cuối mỗi chục kinh, Bà cùng đọc kinh Sáng Danh với nàng. Rồi Bà Đẹp biến mất.

Maria và Gioanna trở lại chỗ cũ. Thấy Bênadétta đang quỳ bất động, Gioanna nói mĩa:

-Coi kia! cô nàng đang cầu nguyện sốt sắng như một bà thánh, thế mà cô nàng không sao trả lời các

sơ Chúa Ba Ngôi có nghĩa là có Ba Ngôi trong một Thiên Chúa!

Rồi cả hai cùng phá lên cười? Hai cô bé hỏi Bênadétta:

-Bà có về không hay là ở đây luôn?

Lời nói chọc không một chút phiền lòng Bênadétta. Nàng gật đầu, rồi chỗi dậy cùng hai cô bé lượm thêm ít củi.

Trên đường về nhà, Bênadétta buột miệng hỏi:

-Luc này, các em có thấy gì ở hang không?

Cùng một lúc, hai cô bé lên tiếng cách tỏ mò:

-Không! mà cái gì vậy?

Bênadétta trầm giọng tư lự:

-Chị chỉ hỏi vậy thôi.

Nhưng khi chỉ còn một mình Maria, Bênadétta kể lại cho em nàng mọi sự đã xảy ra, rồi nàng khẩn khoản xin em:

-Em nhớ giữ kín điều này nhé! Maria làm thình không trả lời.

Giờ kinh tối hôm đó, Bênadétta tự nhiên bật tiếng khóc. Mẹ nàng hỏi:

-Cái gì vậy?

Trước khi Bênadétta cảm được xúc động, em nàng đã thao thao kể lại với mẹ mọi điều bí mật.

-Nhưng thưa má, con thực sự đã thấy Bà. Trời ơi! Bà đẹp lắm! Đẹp vô cùng!

Hai dòng nước mắt lại tuôn trào trên má.

Mẹ nàng gắng đỡ nàng nín khóc, rồi bà nói:

-Con đi ngủ đi. Con đang yếu. Đó là điều do trí tưởng tượng của con. Con cần phải ngủ nghỉ nhiều hơn.

Rồi trao cho nàng một ly nước nóng, bà nhẹ nhàng bảo con:

-Đi ngủ đi, và nhớ không bao giờ được tới hang nữa.

Bênadétta trần trọc suốt đêm, nàng không sao ngủ được. Sáng hôm



sau, nàng năn nỉ mẹ cho phép ra hang. Lúc đầu bà không để ý, nhưng rồi thấy Bênađétta năn nỉ hoài, bà nổi nóng:

-Tao đã bảo không. Nếu Bà đó không phải do mày tưởng tượng thì chỉ là ma quỷ! Mày phải quên nó đi!

Bênađétta giật mình, ma quỷ ư? Có thể mẹ mình có lý. Nhưng ma quỷ đâu có đọc kinh Sáng Danh. Nàng quay sang năn nỉ ra hang. Hai cô bé đến nói với mẹ:

-Thưa má, nếu bà ta là quỷ chúng con sẽ vẩy nước phép để xua hẳn đi. Xin má cho Bênađétta ra hang, chúng con cùng đi với chị.

Cuối cùng, mẹ nàng phải nhượng bộ. Thế là, ba cô bé hí hửng ra hang. Maria đem theo bình nước phép. Dọc đường, thêm mấy cô bạn nữa nhập bọn? vì đã được nghe Maria và Gioanna kể câu chuyện.

Bênađétta tới hang trước tiên. Nàng quỳ xuống. Lập tức, nàng quay lại gọi chúng bạn:

-Bà Đẹp kia kia!

Bọn con gái đưa bình nước phép cho Bênađétta và bảo nàng:

-Vẩy nước phép đi!

Nàng làm theo lời họ. Nhưng rồi nàng kêu lên:

-Bà ấy cười! Xem chừng Bà còn thích là khác.

Rồi đột nhiên, nàng ngất trí. Quỳ ngay đơ như một pho tượng. Mắt nàng dính chặt vào điều chi vô hình mà bọn con gái không nhìn thấy. Không một tiếng động, ngoại trừ tiếng gió lay cành lá và tiếng sóng nước vỗ bên bờ đá. Bọn con gái cảm thấy dờn dợn, họ xích lại gần nhau. Nhưng Gioanna tinh nghịch, lén nhặt một hòn đá lớn ném xuống chân đồi. Hòn đá văng xuống nước, gây tiếng động giật mình. Bọn con gái la hét chạy tứ phía. Sự nhộn nhạo khiến hai phụ nữ nhà gần đó đến hang. Trong khi đó, Bênađétta vẫn quỳ bất động. Họ nhả nhận dẫn nàng về nhà.

Ngày 18 tháng 2 năm 1858, hai người đàn bà tai mắt trong thành cùng ra hang với bênađétta. Họ đem theo nến phép và giấy viết. Bỗng nhiên nàng la lên:

-Bà ấy kia!

Rồi nàng ngất trí. Trong con ngất trí nàng khăn khăn:

-Nếu Chúa sai Bà đến, làm ơn cho biết Bà muốn gì; bằng không, xin bà đừng tới nữa!

Bà đẹp mỉm cười rồi nói:

-Không cần phải ghi chép những điều Ta nói. Con có bằng lòng tới đây hằng ngày trong vòng hai tuần lễ không?

Bênađétta trả lời:

-Có, Con hứa sẽ đến.

Bà Đẹp nói tiếp:

-Ta không hứa cho con hạnh phúc đời này, nhưng là hạnh phúc đời sau.

Rồi Bà biến mất.

Hai người đàn bà trở về thuật lại mọi điều với mẹ Bênađétta. Họ nói:

-Thực sự có thần thiêng hiện diện ở hang. Bà nên cho phép con bà tiếp tục tới hang.

Những lần ra hang tiếp sau, lần nào mẹ và bà dì của Bênađétta cũng đi với nàng. Lần hiện ra thứ 5, Bà Đẹp dạy nàng cầu nguyện. Bà cũng bảo nàng đem theo nến phép mỗi lần ra hang. Lần hiện ra thứ 6, Bà Đẹp nói:

-Hãy cầu cho các tội nhân.

Chẳng mấy chốc, tin đồn Đức Mẹ hiện ra đã loan truyền khắp miền Lộ Đức. Lần hiện ra thứ 9, có hơn 1000 người đứng trên 2 bờ sông. Lần hiện ra này, Bà Đẹp nói với Bênađétta:

-Hãy uống và tắm trong mạch nước này.

Nàng liền hướng về phía sông. Nhưng Bà chỉ một vũng nước bùn đọng gần đó. Nàng lưỡng lự thò tay xuống, nhưng không đủ nước để uống. Nàng bới đất. Thình lình một

dòng nước tuôn trào. Nàng vạm hai bàn tay lấy nước rồi uống.

Mấy người gần đó kêu lên:

-Cô ta điên rồi! Hãy nhìn bộ mặt bản thi cô ấy kia!

Nhưng chẳng mấy chốc, mạch nước đã biến thành một dòng suối, chảy xối vào sông.

Lần hiện ra thứ 11, Bà Đẹp bảo Bênađétta nói với Linh Mục rằng Bà muốn có một nhà nguyện và các cuô? rước tại đây. Để thử Bênađétta, vị Linh Mục bảo nàng:

-Con hãy nói với Bà Đẹp cho biết Bà là ai, rồi sẽ có nhà nguyện như ý Bà muốn.

Ngày 25 tháng 3 Bênađétta hỏi Bà Đẹp:

-Xin bà cho con biết Bà là ai?

Bà mỉm cười cách nhân từ, nhìn lên trời và nói:

-Ta là Đấng Đầu Thai Vô Nhiễm.

Khi được kể lại điều này, vị Linh Mục đệ trình lên Đức Giám Mục. Việc tra xét bắt đầu. Một số phép lạ xảy ra. Một em nhỏ đã chết được hồi sinh nhờ tắm trong nước Lộ Đức. Một người mù được sáng mắt. Cánh tay một đàn bà được chữa lành. Đức Giám Mục biết rằng Đức Mẹ đã hiện ra với Bênađétta. Ngài bắt đầu cho xây nhà nguyện và tổ chức các cuộc rước.

Mỗi ngày hàng đoàn người kéo tới thăm Bênađétta, họ gọi nàng là vị thánh. Để tránh sự ồn ào thế tục, nàng đã từ giã gia đình, ẩn mình trong tu viện, sống với các chị Dòng Nữ Tử Bác Ái ba năm. Sau đó, nàng trở thành một nữ tu mang tên Maria Bêna. Bảy năm sau, nàng tắt thở êm ái sau khi nhớ lại lời Đức Mẹ đã phán với nàng:

"Ta không hứa cho con hạnh phúc đời này, nhưng là hạnh phúc đời sau".



# CỨU NẠN NHÂN BỊ STROKE (Tai Biến Mạch Máu Não)

(Lang vườn trích dịch)

Có thể quý vị đã đọc đâu đó, biết rồi, nhưng xin trích dịch ra tiếng Việt và phổ biến đến quý vị với hy vọng có thể giúp ích quý vị trong lúc nguy cấp, chờ đợi chuyên viên y tế đến.

Chỉ cần một ống tiêm (chích) thuốc (ống đã dùng rồi và bỏ, bằng nhựa), hoặc một cây kim khâu, kim gút (kim băng) cũng có thể cứu người bị chứng tai biến mạch máu não (stroke).

Việc cứu nguy thật đơn giản và dễ dàng khó tưởng tượng nhưng có thể đem lại kết quả hữu hiệu rất lạ lùng khó tưởng nổi. Quý vị chỉ cần một phút đọc tài liệu này. Những điều ghi trong tài liệu thực sự là những hướng dẫn tuyệt vời.

Và cũng xin quý vị nhớ, cất giữ tài liệu này để sẵn sàng ứng dụng. Ai biết được? Một ngày nào đó quý vị sẽ gặp trạng huống và có thể cứu sống mạng người.

Cô Irene Liu kể : “Cha tôi bị tê liệt và chết sau đó vì ông là nạn nhân của bệnh tai biến mạch máu não. Ước chi trước đó tôi biết thủ thuật này. Khi bị tai biến mạch máu não thì sau đó tất cả các vi ti huyết quản não bộ sẽ từ từ bị vỡ ra.”

Nếu gặp trường gặp người bị tai biến mạch máu não, xin đừng cuống quýt mà hãy bình tĩnh. Điều rất quan trọng là **chờ bao giờ di chuyển bệnh nhân**, cho dù người ấy bị nạn ở đâu. Vì nếu nạn nhân bị di chuyển lay động, các vi ti huyết quản não bộ càng mau chóng bị vỡ bể ra. Hãy rất nhẹ nhàng từ từ đỡ nạn nhân ngồi dậy và bắt đầu việc “rút máu” cho nạn nhân. Nếu quý vị có hay kiếm được một ống tiêm (chích) thuốc thì tốt nhất, bằng không thì lấy một cây kim khâu (kim may), kim gút (kim băng) và làm theo như dưới đây:

- 1- Hơ lửa cây kim bằng bật lửa, diêm, nến cho nóng để khử trùng (sát trùng),
- 2- Dùng kim đã sát trùng chích (châm) vào mười (10) đầu ngón tay nạn nhân. Không cần tìm huyết đạo gì cả chỉ cần châm vào đầu ngón tay cách móng tay độ một mi-li-mét (1cm)
- 3- Châm (chích) sâu vào đến khi có máu rỉ ra
- 4- Nếu đã thấy độ châm khá sâu mà máu không rỉ ra, thì nặn đầu ngón tay cho có máu nhỏ giọt
- 5- Khi thấy cả mười (10) đầu ngón tay đều có máu rỉ ra, thì chờ vài phút, bệnh nhân sẽ tỉnh lại (tỉnh dậy).
- 6- Nếu thấy mồm nạn nhân bị méo, thì hãy nắm hai tai (hai lỗ tai) của nạn nhân kéo mạnh cho đến

khi thấy hai tai đều ửng đỏ.

- 7- Châm vào rái tai (ear lobe) mỗi bên hai (2) mũi cho đến khi máu nhỏ giọt từ mỗi rái tai. Vài phút sau thì nạn nhân sẽ tỉnh lại.
- 8- Hãy kiên nhẫn chờ cho đến khi nạn nhân hoàn toàn hồi tỉnh và không thấy một triệu chứng khác thường nào mới đưa vào bệnh viện.

Vì nếu vội đưa nạn nhân vào bệnh viện sớm, có thể sự dẫn sóc của xe tư hay xe cứu thương lúc di chuyển nạn nhân sẽ làm cho các mao quản (capillaries) trong não bộ bị vỡ bể. Nên nếu sau đó mà nạn nhân có thể đi đứng được thì đúng là được do phúc đức ông bà tổ tiên.”

Cô Liu nói tiếp: “Tôi học cách cứu chữa bằng cách làm xuất huyết này từ một Đông Y sĩ tên là Hà Bảo Định (Ha Bating). Ngoài ra, tôi đã có cơ hội ứng dụng phương pháp này nữa. Vì thế, khẳng định là hữu hiệu 100%. Năm 1979, tôi dạy ở Đại Học Fung Gaap tại Đài Trung. Một buổi trưa nọ, đang giảng bài trong lớp thì một giáo sư chạy số vào lớp thở hổn hển nói: ‘Cô Liu, đến gấp giùm, ông Giám Sự của chúng ta đang bị tai nạn mạch máu não.’ Tôi tức khắc chạy đến chỗ ngay và thấy ông giám sự Trần Phúc Tiên mặt mày nhợt nhạt, tiếng nói ngọng nghịu, mồm thì méo xẹo qua một bên. Đúng là triệu chứng của người đang bị tai biến mạch máu não. Tôi bảo một sinh viên đang thực tập tại Đại Học đến được phòng bên ngoài mua cho tôi một ống tiêm (ống chích) và dùng nó châm vào mười đầu ngón tay của ông Trần cho đến khi mỗi đầu ngón

tay có một giọt máu cỡ hạt đậu rỉ ra. Sau vài phút, mặt ông Trần đã nhũn sắc lại và mắt ông cũng đã bắt đầu có thần; nhưng mồm ông vẫn méo, nên tôi kéo hai tai ông cho đến khi hai tai đều đỏ vì máu đọng, rồi châm vào mỗi rái tai hai mũi để hai giọt máu rỉ ra. Khi hai giọt máu hai bên rái tai rỉ ra rồi thì một phép lạ xảy ra: Nội từ ba (3) đến năm (5) phút, mồm ông Trần từ từ trở lại hình dạng nguyên thủy và tiếng nói của ông cũng trở lại bình thường. Chúng tôi để ông Trần nghỉ ngơi một lúc, rồi cho ông uống một tách nước trà nóng sau đó mới đưa ông đến bệnh viện Ngụy Hoa gần đó. Ông Trần nghỉ ngơi tại bệnh viện một đêm qua hôm sau thì trở về nhiệm sở làm việc. Sau đó mọi sự đều bình thường. Ông Trần không có triệu chứng nào nguy hại cả. Trái lại, các nạn nhân bệnh tai biến mạch máu não thường khó có thể trở lại bình thường vì các vi-ti huyết quản não bộ đã bị vỡ bể trong khi xe cứu thương di chuyển. Hậu quả đã làm cho nạn nhân không thể vẫn hồi lại trạng thái trước.”

Theo các thống kê thì hiện nay, bệnh tai biến mạch máu não là nguyên nhân giết người hàng thứ nhì. Những người may mắn có thể được sống còn nhưng thường phải chịu tật nguyên suốt đời. Đó là một tai họa khủng khiếp có thể xảy đến cho bất cứ ai bất cứ chỗ nào. Nếu như quý vị có thể ghi nhớ phương pháp làm xuất huyết trên đây để rồi có thể ứng dụng giúp đỡ nạn nhân trong cơn quá ác này, thì rất có thể chỉ trong khoảng khắc ngắn nạn nhân có thể tỉnh lại và rồi ra sẽ hy vọng được hồi phục 100%

*Ghi chú: Nhận được từ một người bạn thân. “Cóp nguyên con” trao lại quý bạn. VQ Thế.*

## Hoa của trái tim



Có một loài chim nếu muốn bay được thì phải ăn thịt chim mẹ và đương nhiên chim mẹ rất hạnh phúc hiến mạng để chim con được cất cánh trên bầu trời xanh Tôi đã bật khóc khi đọc câu chuyện này, không chỉ khóc vì thương chim mẹ vĩ đại, mà khóc vì cảm nhận được rằng bất

cứ người mẹ nào cũng sống chỉ để yêu thương và hy sinh.

Mẹ tôi cũng vậy, suốt một đời vất vả với công việc buôn bán hoa tươi nơi góc chợ nhưng chưa bao giờ nụ cười nở trên môi mẹ, giống như những đóa hoa lúc nào cũng tươi tắn rạng ngời. Mỗi khi tôi mắc lỗi hay không nghe lời, mẹ vẫn nhẹ nhàng dạy bảo. Từ nhỏ đến lớn tôi chưa bị đánh một roi nào nhưng tôi lại rất sợ mỗi khi làm điều gì sai.

Mẹ nói khi nào tôi tốt nghiệp ĐH, mẹ sẽ làm một bữa tiệc thịnh soạn để ăn mừng, năm sau mẹ sẽ sửa lại nhà để tôi có một căn phòng cho riêng mình, khi nào tôi lấy chồng mẹ sẽ tự tay kết hoa cưới... Nhưng khi tất cả đang gần thành

hiện thực thì mẹ đã vĩnh viễn ra đi trong một tai nạn.

Con hiểu rằng cuộc đời con người cũng có lúc như loài hoa, nở rồi phải tàn, nhưng mẹ ơi con vẫn không thể chấp nhận quy luật sinh tử ấy, bởi mẹ là mẹ con.

Con đã quên có mẹ, lúc vui con tìm đến mẹ để được nhìn thấy nụ cười trên môi mẹ, lúc buồn con cũng chạy đến bên mẹ để được mẹ ủi an, còn giờ đây con không biết chạy đến đâu để tìm mẹ, bên nắm mộ thì chỉ có mình con độc thoại...

...Đã ba năm trôi qua, đã hàng ngàn ngày không có mẹ kề bên, nhưng với con vẫn như chỉ mới một ngày không nhìn thấy mẹ. Con đã không còn khóc như đứa trẻ lạc mẹ. Nhưng sao tim con vẫn cứ quặn thắt như có từng mũi kim đâm xuyên – con đã biết vì con không còn mẹ.

Ngày 8 – 3 đã đến, ngày dành cho phụ nữ, cho mẹ, cho con, cho cả nửa thế giới này. Mọi người đang hân hoan đón mừng, con cũng thế, chỉ có thêm là một tâm sự riêng, nỗi mất mát về một người phụ nữ vĩ đại mà mình hằng nhớ thương. Con tin, mẹ không bao giờ bỏ con, xa con vì trong trái tim mẹ con mình vẫn luôn có cùng nhịp đập mẫu tử thiêng liêng.

Dù mẹ không hiện diện bằng xương bằng thịt nhưng con tin mẹ đang mỉm cười cùng con, nụ cười tươi như hoa lúc bình minh – đóa hoa của trái tim người mẹ.

DD



## MUA BÁN NHÀ CỬA

HAY

CẦN LUẬT SƯ

XIN LIÊN LẠC

**MR. HAN VAN TRAN**

Tel. (610) 789 0107

## MUA BÁN NHÀ CỬA

**DINH XUAN THAI**

REALTOR®



BUS: (215) 425-2200 • CELL: (215) 888-0519 • FAX: (215) 425-6100  
x\_thai@yahoo.com • www.exitwaterfrontgroup.com  
1080 N. Delaware Ave., Suite 200, Philadelphia, PA 19125

## Danh Bất Hư Truyền

# PHỞ 75

## PHỞ 75 RESTAURANT

Tại những địa điểm tiện lợi cho bà con trong vùng:

**PHỞ 75 ĐÃ KHAI TRƯƠNG CHI NHÁNH MỚI  
TẠI CHINA TOWN PHILADELPHIA**

**CHINA TOWN:  
1022 RACE st PHILADELPHIA, PA. 19107**

**SOUTH PHILLY:**  
1122 Washinton Avenue  
Philadelphia PA 19147  
(215) 271-5866

**NORTH PHILLY**  
823 Adams Avenue  
Philadelphia, PA 19124  
(215) 743-8845

**LANGLEY PARK:**  
1510 University Blvd., East  
Langley Park, MD 7844  
(301) 434-7844

**FALLS CHURCH:**  
3103 Graham Road, Suite B  
Falls Church, VA 22042  
(703) 204-1490

**HERNDON:**  
382 Elden Street  
Herndon, VA 20170  
(703) 471-4145

**ROCKVILLE:**  
771 Hungerford Dr.  
Rockville, MD 20850  
(301) 309-8873

**ARLINGTON**  
1721 Arlington Blvd.  
Arlington, VA 22209  
(703) 525-7355

**Xin chân thành cảm ơn**  
Quý khách đã ủng hộ PHỞ 75 trong suốt thời gian qua

# Diễn Đàn Văn Nghệ Internet <<Kênh 5@yahoogroups.Com>>

"hai vu" haivu\_99@yahoo.com wrote:

Xin gửi các quý ông k5 một bài thơ về đàn ông, đọc cuối tuần cho vui rồi ngày mai đi làm.  
Quý bà thấy các ông k5 có đúng như bài thơ diễn tả hay không?  
Thân

## Sự Tích Con Trai

Xưa kia trên cõi Thiên Đường  
Có bà Chúa Ngọc Nương Nương dịu hiền  
Trông coi cả đám nữ tiên  
Dạy răn thiên đạo, khỏi phiền vì yêu  
Hay đâu có một buổi chiều  
Có nàng tiên nữ ra điều ử ê  
Nàng rằng: Không có tên hề  
Ngày dài đầu thẻ dễ bề qua nhanh  
Nương Nương mới phán lời rằng:  
"Để ta hóa phép một thằng ra chơi"  
Truyền sai bắt một con dơi  
Nhổ lông, vặt cánh, đem phơi bảy ngày

Ngổ ngang, búng sẵn một cây  
Rượu bia cứ thế một khay đổ vào  
Ca phê, cà pháo, tầm phào  
Tai trâu, tai nghé, đem xào bỏ vô  
Thêm luôn một tô óc bò  
Chín mười lưỡi rắn, hai giò chân heo  
Thêm ba bốn ký đĩa heo  
Nửa cân nham nhỡ, vài keo tục tằn  
Nương Nương ưng ý bảo rằng  
Từ đây đã có một thằng Adam  
Đạp văng xuống cõi trần gian  
Còi trần từ đó lại càng thảm thương



Bà Chúa Ngọc Nương và đám Tiên nữ

(Reply)

"Ho Nguyen" Nguyenho5@hotmail.com wrote:

Chào Thầy Hải Vũ , chào tất cả bà con....

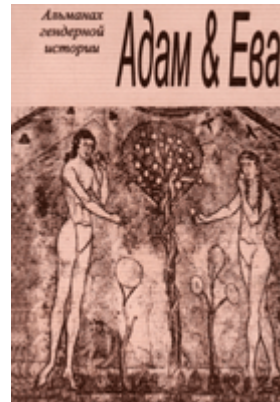
Thầy Hải nói Nữ Chúa chỉ nặn ra con trai thôi....rồi làm sao duy trì nòi giống ? Làm sao giúp đỡ lẫn nhau ? Và quan trọng hơn hết thầy, lấy ai lôi thầy Hải từ trong nhà Chúa ra ?

Tôi cũng giống như anh Chung, anh Đoàn... Mở cửa ghé thăm bà con mà thấy nhà vắng vẻ, tôi cũng xin phép đi về. Nhưng hôm nay hy vọng quý vị mở cửa ra sẽ thấy có người mà chuyện nọ chuyện

kia... Vậy nay t ôi xin tặng bà con một bài Sự Tích Con Gái sau đ ây:

## Sự tích Con Gái.

Rồi sau cũng cỡi thiên đường  
Hoàng Thiên lại thấy thương thương ông này  
Cô đơn chẳng chỗ giải bày  
Ra vào sớm tối mặt mày buồn so  
Cơm ăn bữa đói bữa no  
Không người chăm sóc ốm o gầy mòn  
Mỗi ngày mỗi một héo hon...  
Đợi khi giấc ngủ sùng non rút bừa  
Treo vào hai cái gáo dừa  
Rễ bèo loại tốt dán thưa trên đầu  
Nặng thêm hai mắt bồ câu  
Má hồng môi đỏ, khối râu đờ phiền  
Muốn cho được diu, được hiền  
Nửa cân mít ướn, vài viên ngọt ngào  
Ốt cay chút chút nêm vào  
Đến khi ghen tức còn xào cho thom  
Vài ba chén giấm, chén hờn  
Để làm áp lực những cơn bất bình  
Không quên một vại hy sinh

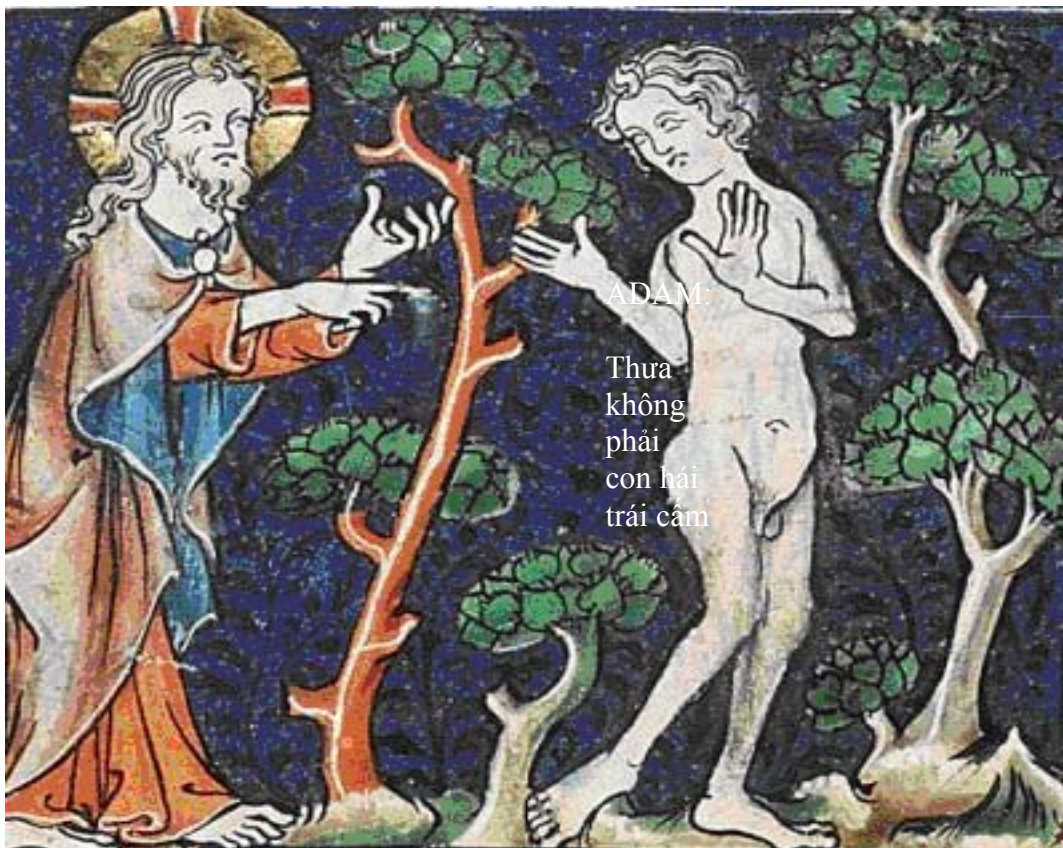


Dăm keo nhần nhục cho tình nở hoa  
Thổi hơi gọi đại E Và  
Là người thủy tổ quý bà ngày xưa.

\*

Trời thì lúc nắng lúc mưa  
Quý bà cũng khó làm vừa lòng thay  
Phải không? Thầy Hải, thưa thầy.

Hồ Nguyễn.



ADAM:

Thưa  
không  
phải  
con hái  
trái cây